

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 68 / 2013 /CV-DAG  
(V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường  
niên năm 2012)

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2013

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
Quý cổ đông

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (MCK: DAG) xin gửi lời chào trân trọng đến các Quý cơ quan và quý cổ đông.

Thực hiện quy định công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết theo quy định hiện hành, công ty chúng tôi xin trân trọng gửi tới Quý cơ quan và quý cổ đông Báo cáo thường niên năm 2012.

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trân trọng kính báo!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Phụ trách công bố thông tin
- Lưu Hành chính
- Lưu Ban Thư ký HĐQT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN BÁ HÙNG**



**DAG**

TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG A

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Annual Report



Hà Nội, tháng 04/2013

## **GỬI TỚI KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG**

DAG xin dành trọn những tình cảm chân thành, những ghi nhận sâu sắc đến toàn thể quý khách hàng và người tiêu dùng, những người đã cùng đồng hành với DAG suốt tháng ngày khó khăn vừa qua. Chính Quý vị là hạt nhân góp phần quyết định đến sự sống còn và phát triển của DAG ngày hôm nay. DAG luôn hiểu rằng, đằng sau những bước đi thành công của mình, sự ủng hộ, sự tin cậy của toàn thể người tiêu dùng trong cả nước càng làm vững bước DAG trên con đường của mình đã lựa chọn. Mặc dù còn non trẻ, nhưng với hơn 10 năm liền, các sản phẩm của DAG luôn được người tiêu dùng bình chọn Hàng Việt Nam chất lượng cao, đã cho thấy tình cảm thủy chung mà quý khách hàng và người tiêu dùng đã ưu ái dành cho DAG

## **GỬI TỚI CÁC ĐỐI TÁC**

Xin ghi nhận và cảm ơn các nhà cung cấp, các ngân hàng, các đối tác khác. Các bạn đã luôn hỗ trợ, giúp đỡ DAG trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai bằng tinh thần lắng nghe và thấu hiểu. Sự hợp tác cùng phát triển với các bạn vẫn là định hướng then chốt của DAG trong thời gian tới.

## **GỬI TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG DƯỚI MÁI NHÀ CHUNG DAG**

Để có được thành quả ngày hôm nay, với các sản phẩm đặc biệt đạt chất lượng quốc tế mang thương hiệu DAG thì sự đóng góp của những người lao động mang tính chất quyết định. Từ những giọt mồ hôi của người công nhân trực tiếp đứng máy, những mệt nhọc của người bốc vác kho hàng, những vất vả của lái xe, đến những tâm huyết của đội ngũ bán hàng, kinh doanh, những lo toan của đội ngũ cung ứng vật tư, những miệt mài của bộ phận kế toán cộng với những đam mê, trăn trở, toan tính của đội ngũ lãnh đạo công ty đã tạo dựng được thành công cho DAG. Từ đó, DAG cùng chung tay xây dựng mái nhà chung và vun đắp cho mỗi cá nhân trong đó một cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, có ý nghĩa hơn.

## **GỬI TỚI CÁC BAN NGÀNH, CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG**

Xin gửi tới UBNDTP Hà Nội, Hiệp Hội Nhựa, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Công nghiệp thành phố Hà Nội, Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam... Lời cảm ơn chân thành bởi những ủng hộ, những đóng góp, những hợp tác để DAG ngày càng hoàn thiện hơn, vững bước trên con đường phát triển bền vững.

Và để có được DAG ngày hôm nay, không thể quên và thầm cảm ơn công lao của các anh, chị em, phóng viên báo đài, các phương tiện thông tin đại chúng. Nhờ có các quý vị mà thương hiệu, sản phẩm, mã cổ phiếu DAG có cơ hội bay nhanh, bay xa hơn.

3  
N  
T  
T  
T



## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

#### 1. Quá trình thành lập

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tiền thân của công ty là công ty TNHH thương mại sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập theo giấy phép số 0102002000 được sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày **16/02/2001**.

Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo giấy phép số 0103014564 được Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 14/11/2006 đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày **12/02/2007**.

#### 2. Quá trình phát triển

##### 2.1. Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lĩnh vực sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa:

- ❖ Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- ❖ Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- ❖ Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- ❖ Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà ở;
- ❖ Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- ❖ Kinh doanh phương tiện vận tải, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải;
- ❖ Gia công cơ khí & Đầu tư xây dựng nhà ở;

##### 2.2. Tăng trưởng vốn

Với số vốn góp khiêm tốn ban đầu 2.5 tỷ đồng, đến nay, trải qua nhiều đợt tăng vốn, đến nay đã DAG có số vốn điều lệ là 137,5 tỷ đồng. Các công ty con DAG sở hữu 100% vốn.

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động KD chính	Tỷ lệ SH
1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	Khu CN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất như: hạt nhựa, cửa nhựa, cửa pano, cửa xếp nhựa, tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, bạt Hi-Flex, tấm PP Công nghiệp.	100%
2	Công ty TNHH MTV SmartWindow Việt Nam (S.M.W)	Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì - HN	Sản xuất tấm PS, tấm nhôm Composite, gioăng cao su, cửa uPVC có lõi thép gia cường hiệu SmartWindows, cửa hợp kim nhôm- vách kính dựng giầu đồ hiệu Smartwindow và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của NDA và hàng NK.	100%
3	Công ty TNHH Một hành viên Nhựa Đông Á (DAS)	Khu CN Tân Tạo, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt, bảo hành, bảo trì và phát triển sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường hiệu SmartWindows. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm nội ngoại thất trong xây dựng.	100%

MỘT HÀNH VIÊN

- Đến năm 2015, dự kiến DAG sẽ có vốn điều lệ là 350 tỷ đồng.

### **2.3. Số lượng công ty con và công ty liên kết**

Ngày 14/11/2006, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chuyển đổi thành mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Hiện nay, các công ty thành viên DAG vẫn không ngừng tăng trưởng đều đặn: công ty thành viên: Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA), Công ty TNHH MTV SmartWindow Việt Nam (S.M.W), Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á (DAS).

Với công ty liên kết DAGLAND, DAG vẫn chưa thực hiện góp vốn do tình hình Bất động sản đóng băng năm 2012, mức lạm phát tăng, kinh tế rất khó khăn nên DAG xác định trong giai đoạn này cần tập trung đẩy mạnh, giữ vững những sản phẩm mũi nhọn của mình như: thanh profile, tấm nhôm composite, mica,...

### **2.4. Niêm yết cổ phiếu lần đầu tiên.**

Ngày 08/04/2010, cổ phiếu của Công ty với Mã chứng khoán “DAG” đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 03 năm 2010, với số lượng niêm yết là: 10.000.000 cổ phiếu.

Sự kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, minh chứng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á đã vươn lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển ổn định và bền vững trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam vừa tiếp cận một sân chơi rộng lớn và đầy tính cạnh tranh khốc liệt của tiến trình hội nhập WTO. Đây chính là thước đo giá trị những thành quả đạt được của DAG trong 10 năm qua.

### **2.5. Áp dụng tiêu chuẩn ISO**

Cho đến 2012, DAG đã chính thức áp dụng được 3 năm hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM và đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 với phương châm “Uy tín khởi nguồn từ chất lượng”, đảm bảo quyền lợi và cam kết mang lại sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt nhất đến người tiêu dùng.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **1. Định hướng đến 2015**

- Bằng các tiền đề sẵn có, DAG chủ trương tái cấu trúc toàn diện nhằm đạt chuẩn về tổ chức mô hình quản lý theo hướng Tập đoàn tư nhân đa ngành – đa nghề nhưng vẫn đảm bảo chuyên sâu ngành nghề hoạt động sản xuất đến 2015.
- Hướng tới giao toàn quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho các Công ty thành viên và tách Văn phòng Tập đoàn trở thành tổ chức đầu tư/quản lý vốn, tài chính chuyên nghiệp – hiệu quả.
- Tiếp tục nâng cao các hoạt động tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới trong thời kỳ hội nhập, đặc biệt tăng cường hoạt động xuất khẩu những sản phẩm chủ lực của công ty.

- Đến năm 2015, DAG sẽ có số vốn điều lệ đạt 350 tỷ đồng, thực hiện các đợt tăng vốn theo kế hoạch phát triển trung-dài hạn thông qua Đại hội đồng cổ đông; phát hành thêm thông qua thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Hướng đến giá trị cốt lõi, DAG phấn đấu bằng hiệu quả của đầu tư, kinh doanh tạo dựng và gia tăng nhiều hơn cho cổ đông và đảm bảo cơ chế quản lý mở - minh bạch hoạt động, thông tin của một tổ chức niêm yết.
- Ổn định và gia tăng giá trị về mặt thời gian của thương hiệu DAG, tiếp tục triển khai các hoạt động kinh doanh, thị trường đồng bộ nhằm phủ đầy, phủ đầy thị trường, nắm giữ thị phần của khối các sản phẩm chủ lực.
- Tăng cường hệ thống hạ tầng, công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành. Phấn đấu đến 2015, DAG sẽ đồng bộ hóa sử dụng các phần mềm đạt chuẩn quốc tế về quản lý nhằm đưa hoạt động quản trị trực tuyến đến từng khâu, từng công đoạn tác nghiệp toàn Tập đoàn.
- Mở rộng nhiều hơn nữa các chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp. DAG chủ trương hướng tới chia sẻ hiệu quả sản xuất – kinh doanh cho người lao động, xây dựng môi trường văn hóa đặc trưng và gia tăng các chính sách chăm lo nhiều hơn nữa đời sống vật chất/tinh thần cho CBCNV toàn Tập đoàn.

## 2. Tầm nhìn & Giá trị cốt lõi

### Sứ mệnh

- ❖ Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- ❖ Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- ❖ Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

### Tầm nhìn

- ❖ Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội thất hàng đầu Việt nam và hướng tới tập đoàn kinh tế đa ngành, đa nghề dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

### Giá trị cốt lõi

- ❖ Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- ❖ Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- ❖ Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- ❖ Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

### Cam kết

- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- ❖ **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
- ❖ **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung



---

túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.

- ❖ **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.
- 

11/11/2018

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2012

**Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2012):**

### 1. Thực tế kết quả sản xuất kinh doanh và tài chính 2012:

Chỉ tiêu/	2012	2011	Tỉ lệ
ĐVT	VND'000'000	VND'000'000	%
Doanh thu thuần	893.454	603.579	148
Lợi nhuận trước thuế	27.856	18.564	150
Lợi nhuận sau thuế	23.891	14.460	165
Tổng tài sản	634.139	569.410	111
Tổng vốn chủ sở hữu	174.010	151.079	115

### 2. Tình hình thực hiện năm 2012 so với kế hoạch đề ra:

Chỉ tiêu/	2012	Kế hoạch	Tỉ lệ
ĐVT	VND'000'000	VND'000'000	%
Doanh thu thuần	893.454	690.000	125
Lợi nhuận sau thuế	23.891	15.000	159

Mặc dù kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2012 được thực hiện trong bối cảnh đất nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do tác động bất lợi từ cuộc khủng hoảng - suy thoái kinh tế, chỉ số CPI trong năm liên tục tăng (CPI bình quân cả năm 2012 tăng 9,21% so với 2011) kéo sức cầu mua sắm giảm đáng kể, thị trường bất động sản đóng băng khiến cho kinh doanh của nhóm sản phẩm profile, cửa smartwindow của công ty bị ảnh hưởng khá nhiều. Năm 2012 nước ta có tốc độ tăng trưởng năm dừng lại ở mức 5,03%, thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Đồng thời, việc thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát, giá xăng dầu tăng làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh. Thị trường BĐS đóng băng làm ảnh hưởng nhiều tới mặt hàng cửa nhựa lõi thép, phụ kiện, vật liệu cửa của công ty. Tuy nhiên, với sự quyết tâm cao của toàn thể tập thể CBCNV, DAG cũng đã đạt được các thành tựu khả quan trong năm 2012.

#### Về tăng trưởng:

- Doanh thu thuần hợp nhất toàn DAG đạt 893.454 tỷ, tăng trưởng 148% so với năm 2011,

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam phát triển chưa ổn định, tình hình lạm phát đột biến, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, thị trường bất động sản đóng băng mà DAG vẫn đạt tăng trưởng doanh thu cao trong năm 2012 cho thấy cho thấy hoạt động kinh doanh, đầu tư của DAG là tương đối khả quan, có hiệu quả.

-Đặc biệt về lợi nhuận, DAG đạt 23,891 tỷ đồng 165% so với năm 2011 và vượt 159% so với kế hoạch đề ra năm 2012.

#### Về thực hiện so với kế hoạch:



Doanh thu hợp nhất của DAG Công ty tính đến 31/12/2012 theo báo cáo kiểm toán đạt **893.454** tỷ, tăng 125% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đề ra. Lợi nhuận thuần sau thuế năm 2012 đạt 159% kế hoạch.

Trong điều kiện khó khăn chung về thị trường, việc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng doanh thu cao và đạt xấp xỉ 130% kế hoạch lợi nhuận chứng tỏ định hướng ổn định kinh doanh của HĐQT đưa ra là đúng đắn. Ngoài ra, đây cũng là minh chứng về việc khẳng định thị phần của các sản phẩm DAG trên thị trường cạnh tranh khốc liệt năm 2012.

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

#### 3.1 Các sự kiện thay đổi:

- Ngày 04/09/2012 DAG chính thức niêm yết bổ sung 1.250.000 cổ phiếu phát hành thêm, tăng vốn điều lệ từ 125 tỷ VND lên 137,5 tỷ VND theo giấy chứng nhận số 31/2010/GCNCP- VSD-2 cấp ngày 04/09/2012.

#### 3.2 Về đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2012, về cơ bản các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty đã được triển khai theo định hướng thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2012, tình hình cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư XDCB (DK)	Đã đầu tư 2011	Đã đầu tư năm 2012	Dự kiến Đầu tư trong năm 2013
		Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
1	Nhà máy sản xuất tấm nhôm Composite. Diện tích xây dựng tại KCN Phú Lý với 3000 m <sup>2</sup>	10,5	2,4	8,9	
2	Mở rộng năng lực và đầu tư nhà máy sx thanh Profile, Mica PS, formex	130	12,03	15,8	81
	<b>Tổng cộng</b>	<b>152,598</b>	<b>8,084</b>	<b>14,449</b>	<b>88,640</b>

Trong đó:

- Dự án Nhôm composite bắt đầu hoạt động vào quý 2/2011, cho đến nay, không những dây chuyền thứ nhất vào hoạt động hiệu quả (sử dụng hết công suất) tạo ra doanh thu 4 tỷ đồng tháng mà còn đang thực hiện đưa dây chuyền thứ 2 vào hoạt động.
- Với dự án mở rộng năng lực và đầu tư nhà máy sản xuất thanh profile, Mica PS, Formex thì dây chuyền sản xuất MICA PS đã hoàn thiện, đã có doanh thu khả quan trong năm 2012. Dự kiến trong năm 2013 sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất của hệ thống máy móc công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 2012

### I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### 1. Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu/	2012	2011	Tỉ lệ
ĐVT	%	%	%
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	2,7%	2,40	112,5
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	4,0%	2,54	157
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	13,7%	9,57	143

#### 2. Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu/	2012	2011	Tỉ lệ
ĐVT	%	%	%
Khả năng thanh toán hiện hành	1,0	1,05	95
Khả năng thanh toán nhanh	0,56	0,49	114

#### 3. Giá trị sổ sách:

Chỉ tiêu/	2012	2011	Tỉ lệ
ĐVT	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu	%
Giá trị sổ sách	12,660	12,086	104,7

#### 4. Các chỉ tiêu về số lượng cổ phần trong năm 2012:

Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không thay đổi, cụ thể:

Cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp	
	VND	Tỷ lệ góp vốn	31/12/2012	01/01/2012
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>72.050.000.000</b>	<b>57,64%</b>	<b>79.255.000.000</b>	<b>72.050.000.000</b>
Ông Nguyễn Bá Hùng	40.067.500.000	32,05%	44.074.250.000	40.067.500.000
Bà Nguyễn Thị Tính	165.000.000	0,13%	181.500.000	165.000.000
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	31.817.500.000	25,45%	34.999.250.000	31.817.500.000
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>52.950.000.000</b>	<b>42,36%</b>	<b>58.245.000.000</b>	<b>52.950.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):**

- Tổng cổ phiếu thường đang lưu hành: 13.750.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ: 21
- Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

**Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...):** 107 mệnh giá 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng)

### Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

Việc xác định cổ tức cho năm 2012 sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.

### 5. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012

Chỉ tiêu/	2012	Kế hoạch	Tỉ lệ
ĐVT	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%
Doanh thu thuần	893	690	129
<i>Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á</i>	212	153,5	138
<i>Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)</i>	410	340,3	120
<i>Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam (SMW)</i>	199	143,7	138
<i>Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (DAS)</i>	72	52,4	137
Lợi nhuận sau thuế	23,9	15	159

### 6. Những thành tựu đạt được trong năm 2012

Song song với thành quả đạt được về kinh tế, năm 2012, Công ty CPTĐ Nhựa Đông Á đã phấn đấu thành công trên mọi lĩnh vực, cụ thể:

#### 6.1. Về chất lượng sản phẩm

Áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trên toàn bộ hệ thống các nhà máy của DAG một cách sâu rộng, từng công đoạn, từng phân xưởng. Trong năm 2012 chất lượng sản phẩm không ngừng được cải tiến; và chất lượng dịch vụ đã có những bước tiến đáng kể nhằm hướng tới sự thỏa mãn cao nhất của người tiêu dùng và bạn hàng.

#### 6.2. Về công tác quản trị Tập đoàn

Trong năm 2012 DAG đã thực hiện:

- Hoàn thiện các quy trình/quy chế quản trị doanh nghiệp;
- Hệ thống văn bản nội bộ quản trị doanh nghiệp được chuẩn hóa và điều chỉnh lại nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi trong năm và định hướng của Hội đồng quản trị.

#### 6.3. Về công tác nhân sự

Trong năm qua DAG đã xây dựng được chính sách quản lý nguồn nhân lực theo hướng gắn quyền lợi cá nhân với kết quả thực hiện công việc của từng nhân viên. Hoạt động tuyển dụng được diễn ra liên tục bổ sung nguồn nhân lực kịp thời để mở rộng, phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, DAG còn thường xuyên tiến hành, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nguồn cán bộ nhằm đáp ứng mục tiêu đổi mới và phát triển của DAG.

### 7. Các thành tựu khác

Trong năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh của DAG đã có những thành tựu phát triển nhất định về mọi mặt:

- Doanh thu thuần đạt trên 893 tỷ đồng vượt 148% so với cùng kỳ năm 2011, chứng tỏ sản phẩm của DAG ngày càng chiếm được tin yêu của người tiêu dùng. Trong điều kiện khó khăn chung của cả nước, nhiều doanh nghiệp sản xuất không có lãi, thậm chí lỗ nhưng chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất vẫn đạt và vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2012 đề ra.



- Về công tác đầu tư xây dựng trong năm 2012, về cơ bản các dự án Nhôm composite tại KCN Châu Sơn và dự án Cửa hợp kim nhôm – Vách kính dựng giấu đồ tại KCN Ngọc Hồi đã hoàn thiện xong. Các sản phẩm sau quá trình chuyển giao công nghệ đều đạt tiêu chuẩn tốt. Với dự án mở rộng năng lực và đầu tư nhà máy sản xuất thanh Profile, Mica PS, formex, thì DAG đã tận dụng mặt bằng hiện có tại nhà máy khu công nghiệp Châu Sơn - Hà Nam, tiến hành mua máy móc, thiết bị, lắp đặt, vận hành dây chuyền sản xuất Mica PS, đã đóng góp vào doanh thu năm 2012. Trong năm 2013, công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất thanh profile, nẹp ván sàn,...
- Về công tác định vị thương hiệu: trong năm 2012, Tập đoàn đã thực hiện nhiều chương trình PR, quảng cáo, tận dụng mọi phương tiện thông tin đại chúng để tăng tỷ lệ nhận diện thương hiệu DAG sâu rộng đến người tiêu dùng trong cả nước.
- Về công tác kế hoạch: về cơ bản, công tác kế hoạch trong năm 2012 tương đối phù hợp với thực tế. Các kế hoạch kinh doanh, sản xuất, kế hoạch vật tư, tài chính đã có các chuyển biến tích cực chứng tỏ tính chất luân chuyển kế hoạch đã có hiệu quả và thấm nhuần vào tư tưởng từng Công ty con, từng bộ phận, ban ngành, từng cá nhân CBCNV.
- Thương hiệu Nhựa Đông Á tiếp tục khẳng định thông qua thị trường với nhiều giải thưởng lớn có uy tín trong năm 2012 như: Hàng Việt nam chất lượng cao, Cup vàng Vietbuild qua tất cả các kỳ hội chợ, giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam. Đặc biệt, sản phẩm Mica và PP đã đạt được tín nhiệm của khách hàng thể hiện qua huy chương vàng tại hội chợ triển lãm Vietbuild cuối năm 2012



### Những thành tích Công ty đạt được

<b>2002</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng hàng Việt Nam chất lượng cao cho sản phẩm cửa nhựa.</li> <li>2. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.</li> </ol>
<b>2003</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn.</li> <li>2. Đạt danh hiệu Doanh nghiệp trẻ xuất sắc.</li> </ol>
<b>2004</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao.</li> <li>2. Giải thưởng Sao vàng đất việt.</li> <li>3. Giải thưởng Doanh nhân doanh nghiệp tiêu biểu.</li> <li>4. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> <li>5. Các Bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam</li> <li>6. Bằng khen của uỷ ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế.</li> </ol>

2005	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam</li> <li>2. Các Bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.</li> <li>3. Giải thưởng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam .</li> <li>4. Giải thưởng hàng Việt Nam Chất lượng cao.</li> <li>5. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> </ol>
2006	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng Sao vàng đất Việt.</li> <li>2. Giải thưởng Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam (Cúp vàng Vietbuild).</li> <li>3. Giải thưởng hàng Việt Nam chất lượng cao.</li> <li>4. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> <li>5. Cúp vàng thương hiệu sản phẩm uy tín hàng đầu Việt Nam.</li> <li>6. Doanh nghiệp trẻ Thăng Long.</li> <li>7. Cúp vàng của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> <li>8. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam, bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, giải thưởng liên hiệp thanh niên VN.</li> </ol>
2007	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng.</li> <li>2. Huy chương vàng hội chợ Quốc tế ngành xây dựng.</li> <li>3. Giải thưởng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam (Cúp vàng Vietbuild) dành cho thương hiệu.</li> <li>4. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, HH DN trẻ Việt Nam.</li> </ol>
2008	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải Sao vàng đất việt.</li> <li>2. Thương hiệu mạnh.</li> <li>3. Cúp vàng thương hiệu mạnh.</li> </ol>
2009	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2009.</li> <li>2. Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> <li>3. Bằng khen và cúp vàng giải thưởng thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín năm 2009.</li> </ol>
2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2010.</li> <li>2. Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng - Triển Lãm Vietbuild Hà Nội năm 2010</li> <li>3. Giải Sao vàng đất Việt 2010</li> <li>4. Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010.</li> </ol>
2011	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2011</li> <li>2. Thương hiệu tiêu biểu ngành xây dựng</li> <li>3. Huy chương vàng sản phẩm cửa UPVC nhãn hiệu Smartwindown, thanh Seaprofile, tấm nhôm DAG- ALU.</li> <li>4. Cờ và bằng khen của UBND TP Hà Nội là đơn vị sản xuất về phong trào thi đua khối doanh nghiệp,</li> <li>5. Bằng khen của thủ tướng chính phủ.</li> </ol>
2012	<p>Bằng khen Thủ tướng chính phủ, tặng cho ông Nguyễn Bá Hùng - Chủ tịch Tập đoàn Nhựa Đông Á.</p> <p>- Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tặng cho Tập đoàn Nhựa Đông Á và Chủ tịch Nguyễn Bá Hùng</p> <p>-Cúp vàng Vtopbuild cho sản phẩm tấm ốp nhôm DAG Alu</p>

-HCV cho sản phẩm Mica và PP

-Chứng nhận "Gian hàng đẹp, quy mô, ấn tượng" do BTC triển lãm Quốc tế Vietbuild Tp. HCM tháng 9/2012 trao tặng.

## II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 2013

### 1 Mục tiêu cụ thể về kế hoạch doanh thu/lợi nhuận năm 2013

Với mục tiêu và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, kế hoạch doanh thu 2013 dự kiến như sau:

➢ Doanh thu: 900.000.000.000 đồng, trong đó phân bổ:

Đơn vị	Doanh thu
VPTĐ	220.000.000.000đ
Công ty NĐA	420.000.000.000đ
Công ty S.M.W	170.000.000.000đ
Công ty ĐAS	90.000.000.000đ
<b>Tổng</b>	<b>900,000,000,000đ</b>

➢ Lợi nhuận sau thuế: 25.000.000.000 đồng

➢ Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế còn tiếp tục, HĐQT DAG nhận định sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận, nếu để ở mức kỳ vọng cao. Trên cơ sở kinh doanh năm 2012 và kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2012: Doanh thu thuần 893 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 23 tỷ; Ban lãnh đạo tin tưởng sẽ đạt được kết quả theo kế hoạch đã đề ra trong năm 2013.

### 2. Về mục tiêu chung

➢ Tập trung các hoạt động tái cấu trúc toàn diện nhằm đạt chuẩn về tổ chức mô hình quản lý theo hướng Tập đoàn tư nhân đa ngành – đa nghề nhưng vẫn đảm bảo chuyên sâu ngành nghề hoạt động sản xuất thế mạnh hiện tại đến 2015.

➢ Quyết tâm bằng mọi biện pháp trong điều hành quản lý sản xuất – kinh doanh và sử dụng nguồn lực nội tại thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu về doanh thu 900 tỷ, lợi nhuận sau thuế 25 tỷ mà Hội đồng quản trị Tập đoàn đặt ra;

➢ Duy trì ổn định sản xuất, khắc phục những tồn tại – yếu kém trong tác nghiệp tại các Phòng/Ban đơn vị;

➢ Tập trung làm tốt công tác nhận diện thương hiệu DAG, Mục tiêu tăng tỷ lệ nhận diện thương hiệu trong năm 2013, triển khai các công cụ Marketing/PR hiệu quả nhằm hỗ trợ kinh doanh tốt cho các nhãn hiệu sản phẩm của các Công ty thành viên. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm Nhựa Đông Á và đồng bộ hóa hệ thống dịch vụ - chăm sóc khách hàng;

➢ Về công tác đầu tư – xây dựng. Dự kiến trong năm 2013, Tập đoàn sẽ đầu tư thêm một số dự án sau: tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng nhà máy phân xưởng sản xuất Profile tại khu CN Châu Sơn – Phú Lý- Hà Nam, đầu tư thêm máy móc thiết bị, hệ thống máy nghiền, máy trộn điện tử hiện đại nhất Đông Nam Á, máy đùn khuôn mẫu quyết tâm làm chủ các công nghệ sản xuất nhằm đạt hiệu quả cao các Sản phẩm mới, tăng cường



công tác đào tạo tay nghề, chuyển giao công nghệ.; dự án đầu tư mua mới dây chuyền sản xuất Decal tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội.

- Thúc đẩy hoạt động xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu:Úc, Campuchia, Ấn Độ, ... các sản phẩm như Mica, bạt Hiflex, ...
- Bước đầu tham gia bất động sản, văn phòng cho thuê nhằm đa dạng hóa loại hình kinh doanh theo đúng mô hình Tập đoàn. Đến năm 2012, DAG đã có vốn điều lệ đạt 137,5 tỷ đồng thực hiện tăng vốn theo kế hoạch phát triển, thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2012; phát hành thông qua thị trường chứng khoán Việt Nam, tìm kiếm đối tác cổ đông chiến lược hỗ trợ DAG trong việc hoạch định phát triển, hỗ trợ phát triển và tái cấu trúc toàn diện. Sang năm 2013, sẽ tiếp tục tìm kiếm thêm đối tác chiến lược có cùng mục tiêu phát triển công ty hơn nữa.
- Xây dựng, hoàn thiện hơn nữa các chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp với chủ trương của DAG hướng tới chia sẻ hiệu quả sản xuất – kinh doanh với CB quản lý. Tạo dựng môi trường văn hóa đặc trưng và gia tăng các chính sách chăm lo thiết thực đến đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV toàn tập đoàn.

### **3. Về biện pháp cụ thể**

#### **3.1. Về chính sách phát triển nguồn nhân lực**

- Nâng cao hoạt động đánh giá, phát hiện, bồi dưỡng cán bộ quản lý kế cận tại tất cả các Bộ phận toàn Tập đoàn. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhân sự, nhanh nhạy nắm bắt tâm lý từng CBCNV để kịp thời điều tiết hài hòa lợi ích giữa người lao động và doanh nghiệp, kích thích tâm lý hăng say làm việc và làm việc có hiệu quả của từng cá nhân người lao động.
- Thực hiện và làm tốt chức năng nhân sự được giao trong: tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, bồi dưỡng, chăm lo đời sống tinh thần/vật chất đội ngũ CBCNV, tăng cường công tác truyền tải chính sách người lao động rộng rãi. Đặc biệt tư vấn và làm tốt văn hóa doanh nghiệp với nét đặc trưng DAG.

#### **3.2. Về Chính sách đào tạo:**

- Tiếp tục định hướng tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong toàn Tập đoàn căn cứ vào nhu cầu thực tế và chiến lược đào tạo từng thời kỳ;
- Tăng cường công tác tổ chức các khóa học ngắn/dài hạn trong và ngoài Tập đoàn cho từng đối tượng tham gia thích hợp nhằm nâng cao trình độ và khả năng đáp ứng chất lượng công việc cũng như tăng trưởng của Tập đoàn;
- Phối kết hợp với các cơ sở đào tạo, các trường dạy nghề, các trường Đại học nhằm đào tạo và tuyển dụng hệ thống công nhân kỹ thuật có tay nghề cao;
- Tập trung cho đào tạo tiếp tục được DAG coi là một trong các công tác nhân sự hàng đầu. Mục tiêu đào tạo của DAG là ngày càng xây dựng và phát triển được đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa DN.
- Định kỳ tổ chức kiểm tra chuyên môn, thi tay nghề nhằm đánh giá, lựa chọn và cơ sở cho các điều chỉnh về đãi ngộ lương, bổ nhiệm toàn Tập đoàn.

#### **3.3. Về chính sách, chế độ đối với người lao động**

- Ổn định thu nhập và công việc làm thường xuyên, chăm lo đời sống vật chất/tinh thần, chính sách phúc lợi cho các CBCNV toàn Tập đoàn, lấy đó là mục tiêu trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực năm 2013.
- ➤ Tiếp tục triển khai điều chỉnh phương án đánh giá mức độ hoàn thành công việc, tiếp tục hiệu chỉnh các mô hình, tiêu chí đánh giá phù hợp nhằm phát triển năng lực và đánh giá chính xác hiệu quả lao động của CBCNV
- Tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: giao lưu văn nghệ, tổ chức tham quan, nghỉ mát .. nhằm gắn kết các cá nhân trong toàn tập đoàn, và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV..
- Tăng cường hoạt động của tổ chức công đoàn cơ sở nhằm quan tâm tốt hơn nữa đến đời sống của tập thể CBCNV.
- Tiếp tục xây dựng các cơ chế đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút người có tài, có đức vào công hiến và xây dựng tập đoàn, cũng như tăng cường gắn kết người lao động đang làm việc ví dụ: trong năm thực hiện phát hành cổ phần ưu đãi cho CBCNV có thâm niên và có công hiến vượt bậc cho tập đoàn.

#### **3.4. Về chất lượng & khoa học công nghệ**

- Duy trì và cải tiến, bổ sung quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 – 2008 đối với tất cả các đơn vị trực thuộc Tập đoàn. Trong đó tập trung triển khai chuẩn hóa toàn diện quy trình hoạt động và quản lý tại DAS.
- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào, thành phẩm xuất xưởng tại các KCN đối với toàn bộ sản phẩm cung cấp ra thị trường nhằm giữ vững tôn chỉ ” Uy tín khởi nguồn từ chất lượng“ của DAG.
- Chuyển giao công nghệ: thường xuyên mời các chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật từ các đơn vị chuyên giao công nghệ về đào tạo nghề và nâng cao trình độ chuyên môn trong sản xuất và vận hành hệ thống máy móc đòi hỏi kỹ thuật cao.
- Hệ thống hóa, chuẩn hóa quy trình quản lý, duy tu, sửa chữa, vận hành hệ thống máy móc máy móc tốt tại các nhà máy, coi đây là mấu chốt cho việc sản xuất thành phẩm đạt yêu cầu chất lượng.
- Tổ chức vận hành hiệu quả các phòng kỹ thuật, phân tích tại các khu công nghiệp, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo chuyên gia nội bộ, đánh giá nội bộ nhằm thường xuyên đổi mới và cải tạo năng lực sản xuất của máy móc thiết bị.

#### **3.5. Về xuất khẩu:**

- Năm 2013, DAG đặt mục tiêu có mặt hàng xuất khẩu nhằm đưa thương hiệu DAG sang thị trường nước ngoài với sản phẩm mũi nhọn là thanh sea profile, tấm PP công nghiệp, cửa Upvc, gioăng.
- Thị trường xuất khẩu được xác định là tập trung trước vào các nước trong khối ASIAN (Thái Lan, Malayssia, Myanmar, Philipines, Lào, Campuchia), Ấn độ và một số quốc gia châu Phi (Angola, Bangladesh, Isarel...).
- Tăng cường các chính sách về khai thác thị trường – nâng chất lượng sản phẩm, PR/ marketing, -dịch vụ - hậu mãi, phân phối.

### **3.6 Về chính sách tài chính**

- Sử dụng chính sách linh hoạt trong xác định nhu cầu vốn, các quyết sách về huy động và sử dụng nguồn tùy theo diễn biến của thị trường tài chính – tiền tệ trong năm 2013. Tiếp tục sử dụng đa dạng hóa các kênh tín dụng của các tổ chức tín dụng, các ngân hàng lớn nhằm tạo ra tính chủ động trong cân đối tài chính.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn, thẩm định các quyết sách đầu tư, tài trợ và sử dụng nguồn để Lãnh đạo tập đoàn đưa ra các chiến lược phù hợp và hiệu quả.
- Thường xuyên tiến hành phân tích, báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn hiệu quả của tập đoàn cấp phát cho các đơn vị/ công ty thành viên, vào các dự án, các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê nhằm tư vấn tốt cho Lãnh đạo về các chỉ tiêu tài chính ổn định, thực hiện công tác phân tích tài chính đồng bộ và chuyên nghiệp, thường xuyên kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, định mức mà tập đoàn đã ban hành, tư vấn cho Lãnh đạo điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thực tiễn.
- Tăng cường đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ tài chính – kế toán, đáp ứng tốt yêu cầu công bố thông tin của tổ chức niêm yết cổ phiếu.

### **3.7. Về chính sách sản phẩm - phát triển thương hiệu**

- Đối với sản phẩm mới: tiếp tục thực hiện đa dạng hóa danh mục thành phẩm sản xuất, bằng các chiến lược sản phẩm mới/dây chuyền mới.
  - + Sản phẩm MICA bắt đầu được đưa vào thị trường quý I/2012, đã cho doanh thu tháng 4.2012. Năm 2013 sẽ đẩy mạnh hơn nữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm này.
  - + Sản phẩm chiến lược phát triển mảng sản xuất năm 2013 DAG: được xác định thứ tự là thanh Sea Profile, Cửa Smartwindow, tấm Nhôm composite, tấm PP Đông Á, Cửa hợp kim nhôm – vách kính dựng giầu đỏ, Mica
- Tăng cường công tác nhận biết các nhãn hiệu hiện có của DAG, hệ thống nhãn hiệu đã được bảo hộ độc quyền sâu rộng hơn nhằm tạo ra hình ảnh thân thuộc trong lòng người tiêu dùng nói chung. Coi đây là tiền đề phục vụ hiệu quả hoạt động tiêu thụ bán hàng của toàn tập đoàn.
- Sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương tiện, các kênh thông tin đại chúng cho các hoạt động PR hình ảnh của doanh nghiệp cũng như quảng bá nhãn hiệu của các sản phẩm của tập đoàn một cách sâu rộng, hiệu quả, phù hợp với tình hình tài chính của tập đoàn.
- Đẩy mạnh hoạt động khai thác, tìm hiểu thị trường để đưa các sản phẩm mới thâm nhập vào thị trường hiệu quả và bền bản.
- Thường xuyên thực hiện đánh giá thị phần các sản phẩm hiện đang kinh doanh của DAG để có thể đưa ra những chính sách phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn.

### **3.8. Về chính sách tiêu thụ/thị trường**

- Tiếp tục chính sách sử dụng các kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm linh hoạt tùy theo sự biến động của thị trường; Triển khai mở rộng các nhà phân phối lớn tại các Tỉnh phụ cận miền Bắc/tiếp cận các dự án đối với sản phẩm mới, vật liệu mới. Tăng cường mở rộng hệ thống đại lý mới và hướng các chính sách kích cầu, ưu đãi nhanh chóng đến các đại lý, khách hàng trong toàn hệ thống.



- Điều hành chính sách giá, chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình của thị trường vốn, thị trường yếu tố đầu vào trong năm 2013 nhằm đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận toàn Tập đoàn;
- Triển khai đồng bộ, hợp lý các chính sách hậu mãi, tặng quà, chiết khấu, dịch vụ sau bán hàng theo từng đợt, từng chương trình.

### **3.9. Về chính sách kế hoạch - cung ứng**

- Chủ động hơn nữa trong công tác lập kế hoạch vật tư của đội ngũ nhân viên phòng Kế hoạch vật tư tại các đơn vị bằng cách thực hiện lập kế hoạch, dự trù sát với thực tế nhằm đảm bảo cung ứng đủ, nhanh, kịp thời nguồn nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất.
- Tăng cường công tác duy trì, tìm kiếm các đơn vị cung cấp mới trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Hoàn thiện quy chế, quy trình cung ứng vật tư toàn Tập đoàn;
- Thực hiện chính sách đa dạng hóa nhà cung cấp, vật tư mới ... nhằm chủ động kênh phân phối NVL, tạo nhiều cơ hội lựa chọn nhà cung cấp và chủ động trong điều tiết kế hoạch hàng hóa.
- Nâng cao tính chủ động, dự báo và duy trì tồn kho đảm bảo sản xuất và cung ứng hàng hóa cho toàn Tập đoàn;
- Đối với các loại nguyên vật liệu sử dụng khối lượng lớn, thường xuyên: chủ trương trong năm 2013 triển khai nhập khẩu trực tiếp của các nhà phân phối nước ngoài, nhằm chủ động hơn nữa nguồn cung cho sản xuất tại các KCN.

### **3.10. Về hoạt động kiểm tra/kiểm soát/pháp chế**

- Tiếp tục chuẩn hóa hoạt động kiểm soát, kiểm tra nhằm đưa hoạt động kiểm soát theo hướng chuyên nghiệp, thực hiện đầy đủ chức năng/nhiệm vụ trong vai trò xác định rủi ro, gian lận và sai sót toàn hệ thống trực thuộc.
- Thực hiện thường xuyên các nội dung xác định phương án đổi mới doanh nghiệp, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống Quy chế/văn bản của toàn Tập đoàn cho phù hợp với thực tiễn.
- Tổ chức hoàn thiện và tập hợp hệ thống văn bản, Quy chế, quy định đã ban hành thống nhất triển khai toàn Tập đoàn;

### **3.11. Về thông tin/truyền thông**

- Chuẩn hóa quy trình công bố thông tin, đáp ứng yêu cầu công bố thông tin của tổ chức niêm yết định kỳ, bất thường theo quy định của pháp luật Chứng khoán hiện hành, cho Sở giao dịch chứng khoán TpHCM, Ủy ban chứng khoán nhà nước, các cơ quan ban ngành liên quan.
- Tổ chức và điều phối các sự kiện liên quan như: Đại hội đồng cổ đông, các phiên họp thường kỳ, bất thường của HDQT.
- Chuẩn hóa các hoạt động của người phát ngôn/công bố thông tin ra bên ngoài;
- Thường xuyên update thông tin ra bên ngoài theo đúng quy trình và nhằm minh bạch hóa hoạt động của tổ chức niêm yết.
- Chú trọng công tác PR, quảng bá về thương hiệu, sản phẩm của tập đoàn, thực hiện đưa thông tin đến tận tay người tiêu dùng.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Báo cáo tài chính hợp nhất****BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Lô 1 CN5 Khu Công nghiệp Ngọc Hồi – xã Ngọc Hồi – huyện Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 3689 1818 Fax: (04) 3686 1616

Văn phòng giao dịch: Tầng 9 tháp Tây tổ hợp đa năng 28 tầng làng quốc tế Thăng Long, Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy

Điện thoại: (04) 3793 8686 Fax: (04) 3793 8181

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lê Hải	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2012)
Ông Marume Mitsumo	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 02/10/2012)
Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm: 02/10/2012; miễn nhiệm: 31/01/2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Mai Thu Hà	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 20/02/2013)
Bà Nguyễn Thị Châm	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm ngày 20/02/2013)

#### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

#### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 20/02/2013, Công ty đã có quyết định bãi nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Mai Thu Hà và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Châm. Do có sự thay đổi nhân sự nêu trên nên Báo cáo tài chính hợp nhất này chức danh Kế toán trưởng được ký duyệt bởi bà Nguyễn Thị Châm. Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoại trừ vấn đề nêu trên xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2012.



Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

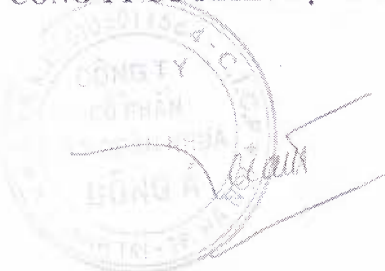
- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**



**Trần Thị Lê Hải**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012**  
**của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

**Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được lập ngày 20/03/2013 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 7 đến trang 33 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2012:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính:

VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2012
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	V.1.	<b>459.145.691.283</b>	<b>382.399.578.360</b>
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>35.289.510.012</b>	<b>18.374.238.991</b>
1	Tiền	111		15.289.510.012	18.374.238.991
2	Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>171.463.271.125</b>	<b>156.603.128.134</b>
1	Phải thu của khách hàng	131		134.892.471.986	142.145.620.316
2	Trả trước cho người bán	132		33.572.857.086	9.386.402.298
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	4.161.242.078	6.234.405.545
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.163.300.025)	(1.163.300.025)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>249.363.962.327</b>	<b>203.161.628.309</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	249.363.962.819	203.161.628.309
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.028.947.327</b>	<b>4.260.582.926</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		112.892.453	119.451.708
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		283.217.174	1.061.149.765
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V..	184.715.866	467.247.107
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V..	2.448.121.834	2.612.734.346
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>174.993.360.937</b>	<b>187.010.700.916</b>
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>150.520.725</b>
4	Phải thu dài hạn khác	218		0	150.520.725
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>157.686.851.617</b>	<b>168.495.122.140</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	133.038.033.352	131.205.146.304
-	Nguyên giá	222		191.762.084.810	176.487.393.654
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.724.051.458)	(45.282.247.350)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.5.	15.236.526.238	7.899.404.694
-	Nguyên giá	225		18.598.400.232	9.100.935.530
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.361.873.994)	(1.201.530.836)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	0	43226.956
-	Nguyên giá	228		407.819.466	407,819,466
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(407.819.466)	(364.592.510)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	9.412.292.027	29.347.344.186
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.8.	<b>3.284.912.544</b>	<b>3.353.348.222</b>
-	Nguyên giá	241		3.421.783.900	3.421.783.900
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(136.871.356)	(68.435.678)
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.021.596.777</b>	<b>15.011.709.830</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	13.861.786.777	14.841.899.830
3.	Tài sản dài hạn khác	268		159.810.000	169.810.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>634.139.052.220</b>	<b>569.410.279.277</b>

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2012
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>460.128.796.300</b>	<b>418.331.226.884</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>369.375.692.737</b>	<b>363.369.162.459</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	223.389.579.327	207.796.520.023
2	Phải trả người bán	312		94.137.619.902	69.766.932.715
3	Người mua trả tiền trước	313		29.244.904.579	59.890.845.992
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	8.122.741.606	7.302.747.828
5	Phải trả người lao động	315		1.649.314.394	2.849.306.273
6	Chi phí phải trả	316	V.13.	848.528.016	564.356.196
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	11.983.004.913	15.198.453.432
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>90.753.103.563</b>	<b>54.962.064.425</b>
3	Phải trả dài hạn khác	333		105.000.000	105.000.000
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	87.406.107.700	34.528.846.583
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16.	46.784.795	9.353.236
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	3.195.211.068	20.318.864.606
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174.010.255.920</b>	<b>151.079.052.393</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18.	<b>174.010.255.920</b>	<b>151.079.052.393</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		137.500.000.000	125.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	4.050.000.000
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(779.218.761)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.303.953.122	3.239.682.853
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		3.345.092.064	2.776.281.011
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.760.063.750	1.760.063.750
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.051.356.984	15.032.243.540
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>634.139.052.220</b>	<b>569.410.279.277</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Châm

Trần Thị Lê Hải



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

(Mẫu số B02-DN/HN)

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19.	895.257.546.016	603.579.671.602
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20.	1.802.952.977	3.717.117.066
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21.	893.454.593.039	599.862.554.536
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.22.	791.533.978.578	510.102.084.492
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.920.614.461	89.760.470.044
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23.	80.964.074	116.688.573
7	Chi phí tài chính	22	VI.24.	41.858.593.980	36.502.763.359
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		40.903.19.549	34.207.758.810
8	Chi phí bán hàng	24		18.669.081.420	20.141.834.724
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.049.725.696	16.500.645.795
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.424.177.439	16.731.914.739
11	Thu nhập khác	31		1.052.495.664	13.920.126.000
12	Chi phí khác	32		619.992.050	12.087.148.936
13	Lợi nhuận khác	40		432.503.614	1.832.977.064
14	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.856.681.053	18.564.891.803
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.927.554.478	4.095.238.425
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		37.431.559	9.353.236
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.891.695.016	14.460.300.143
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		23.891.695.016	14.460.300.143
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	1.831	1.222

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Châm

Trần Thị Lê Hải





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		971.615.106.168	738.588.463.565
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(960.042.659.127)	(777.340.587.625)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.208.452.476)	(23.508.667.376)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.388.372.360)	(34.207.758.810)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.004.042.122)	(475.830.236)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		60.303.485.273	95.130.871.813
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(74.867.108.979)	(86.405.606.208)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(26.592.043.623)</b>	<b>(88.219.114.877)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.328.729.989)	(23.955.544.953)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		165.878.864	79.663.761
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		78.943.615	116.688.473
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.083.907.510)</b>	<b>(23.759.192.719)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	29.050.000.000
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		770.246.034.514	473.635.868.635
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(711.251.105.109)	(369.105.599.721)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(404.142.000)	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	(4.853.980.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>58.590.787.405</b>	<b>128.726.288.914</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>16.914.836.272</b>	<b>16.747.981.318</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1.</b>	<b>18.374.220.991</b>	<b>1.634.003.656</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		452.749	(7.745.983)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>35.289.510.012</b>	<b>18.374.238.991</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG A

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Châm

Trần Thị Lê Hải



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15 tháng 8 năm 2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đã có 04 lần thay đổi chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bốn ngày 18/07/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai lăm tỷ đồng*)

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép, kết cấu thép.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

#### 4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- Số lượng công ty con: 3 công ty

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2	Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam “VND”, hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính.

### 2. Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số V.27



### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### 4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

#### Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp khi chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03- Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về việc hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

##### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính .

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

**Loại tài sản cố định**

Phần mềm kế toán Effect  
 Hệ thống quản lý ISO 9001

**Thời gian khấu hao <năm>**

4  
 4

**4.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao (năm)**

Máy móc thiết bị 6  
 Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn 6

**4.4 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.**

**Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư và khấu hao**

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Công ty thực hiện khấu hao Bất động sản đầu tư là 50 năm.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng .

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với hợp đồng thuê mặt bằng Khu công nghiệp Châu Sơn quy định: giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.



## **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

## **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

### **12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

### **12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của đơn vị gồm chi phí xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, hệ thống máy móc tại Hà Nam, nâng cấp hệ thống nhà xưởng và các dự án khác đang trong quá trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

### **12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được công ty ghi nhận là vay dài hạn.

### **12.4 Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của công ty được lập cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán và các khoản phải thu của các tổ chức kinh tế đã bị phá sản và đang làm thủ tục giải thể, theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009

### **12.5 Các nghĩa vụ về thuế**

#### **Thuế giá trị gia tăng (GTGT).**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với các vật tư, sản phẩm, hàng hóa từ nhựa và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30/03/2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12/10/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất thuế TNDN là 25%; miễn 03 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2012 là năm thứ 6 Công ty TNHH Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty TNHH Nhựa Đông Á áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành.

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động thuế.

Việc xác định thuế TNDN của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 12.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>15.289.510.012</b>	<b>18.374.238.991</b>
<b>Tiền mặt tài quỹ</b>	<b>227.326.349</b>	<b>997.083.693</b>
<i>Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á</i>	<i>943.529</i>	<i>513.828.606</i>
<i>Công ty TNHH Nhựa Đông Á</i>	<i>17.040.918</i>	<i>359.305.958</i>
<i>Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam</i>	<i>55.741.230</i>	<i>97.305.958</i>
<i>Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á</i>	<i>153.600.672</i>	<i>6.025.994</i>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>15.062.183.663</b>	<b>17.397.155.298</b>
<i>Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á</i>	<i>14.366.847.699</i>	<i>2.324.797.739</i>
<i>Công ty TNHH Nhựa Đông Á</i>	<i>515.089.872</i>	<i>14.447.741.159</i>
<i>Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam</i>	<i>18.566.480</i>	<i>621.334.288</i>
<i>Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á</i>	<i>161.679.612</i>	<i>3.282.112</i>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>20.000.000.000</b>	
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>20.000.000.000</i>	
<b>Cộng</b>	<b>35.289.510.012</b>	<b>18.374.238.991</b>

#### 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
CT cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương VN	976.514.798	1.909.747.723
GAOMING Foreign Trade Enterprise	0	864.362.000
Các đối tượng khác	2.942.597.819	3.365.432.941
Dư nợ TK 338	191.971.234	94.862.881
<b>Cộng</b>	<b>4.161.242.078</b>	<b>6.234.405.545</b>



### 3. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	0	6.923.882
Nguyên liệu, vật liệu	116.509.759.467	112.150.675.717
Công cụ, dụng cụ	1.277.775.045	1.542.004.734
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.389.099.416	12.131.442.770
Thành phẩm	12.982.277.499	22.013.182.088
Hang hóa	101.204.191.817	55.316.539.543
Hàng gửi đi bán	859.575	859.575
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>249.363.962.819</b>	<b>203.161.628.309</b>

### 4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	7.970.525	7.970.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.745.341	459.276.582
<b>Cộng</b>	<b>184.715.866</b>	<b>467.247.107</b>

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2012	88.280.350.424	69.601.032.369	17.605.393.470	947.438.384	53.179.007	176.487.393.654
Mua trong năm	193.787.668	14.936.244.681	1.246.567.350	56.186.610		16.432.786.309
Đầu tư XDCB hoàn thành						
Tăng khác				53.179.007		53.179.007
Giảm do phân loại						
Thanh lý, nhượng bán		(282.608.318)	(875.486.835)			(1.158.095.153)
Giảm khác					(53.179.007)	(53.179.007)
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>88.474.138.092</b>	<b>84.254.668.732</b>	<b>17.976.473.985</b>	<b>1.056.804.001</b>	<b>0</b>	<b>191.762.084.810</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2012	9.202.387.595	26.349.822.085	8.954.603.311	723.454.134	51.980.225	45.282.247.350
Khấu hao trong năm	3.780.256.140	8.804.163.402	1.679.459.600	141.352.339		14.405.231.481
Tăng khác				51.980.225		51.980.225
Giảm do phân loại						
Thanh lý, nhượng bán		(103.034.295)	(610.107.777)			(713.142.072)
Giảm khác		(250.285.301)			(51.980.225)	(302.265.526)
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>12.982.643.735</b>	<b>34.800.665.891</b>	<b>10.023.955.134</b>	<b>916.786.698</b>	<b></b>	<b>58.724.051.458</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư ngày 01/01/2012	79.077.962.829	43.251.210.284	8.650.790.159	223.984.250	1.198.782	131.205.146.304
Tại ngày 31/12/2012	75.491.494.357	49.454.002.841	7.952.518.851	140.017.303		133.038.033.352

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.103.409.051 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.737.997.709 VND

**6. Tài sản cố định thuê tài chính**
*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2012	9.100.935.530	9.100.935.530
Thuê tài chính tăng trong năm	9.497.464.702	9.497.464.702
Tăng do phân loại		
Thanh lý, nhượng bán		
Giảm khác		
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>18.598.400.232</b>	<b>18.598.400.232</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2012	1.201.530.836	1.201.530.836
Khấu hao trong năm	1.960.219.033	1.960.219.033
Tăng do phân loại		
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		
Tăng khác	200.124.125	200.124.125
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>3.361.873.994</b>	<b>3.361.873.994</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2012	7.899.404.694	7.899.404.694
Tại ngày 31/12/2012	15.236.526.238	15.236.526.238

**7. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư trong ngày 01/01/2012	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Mua trong năm			
Tăng khác			
Giảm khác			
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>387.972.800</b>	<b>19.846.666</b>	<b>407.819.466</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2012	344.745.844	19.846.666	364.592.510
Khấu hao trong năm	43.226.956		43.226.956
Tăng khác			
Giảm khác			
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>387.972.800</b>	<b>19.846.666</b>	<b>407.819.466</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 01/01/2012	43.226.956		43.226.956
Ngày 31/12/2012			

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**



	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	2.292.286.499	1.527.546.392
Xây dựng cơ bản dở dang	7.120.005.528	27.819.797.794
• Khu công nghiệp Ngọc Hồi – Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	1.792.522.400	1.792.522.400
Chi phí xây dựng văn phòng chi nhánh Hà Nam	944.034.395	
Hệ thống máy móc Hà Nam	340.502.114	
Nâng cấp hệ thống nhà xưởng	4.035.256.619	4.035.256.619
Dây chuyền sản xuất nhôm		8.666.701.751
Dây chuyền sản xuất mica		9.397.038.508
Chi phí làm hầm lên xuống hàng bạt Hiflex	7.690.000	157.218.668
Máy sản xuất thanh nhựa profile		3.771.059.848
<b>Cộng</b>	<b>9.412.292.027</b>	<b>29.347.334.186</b>

#### 9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm năm	trong	31/12/2012
Nguyên giá	3.421.783.900				3.421.783.900
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900				3.421.783.900
Giá trị hao mòn lũy kế	68.435.678	68.435.678			136.871.356
Quyền sử dụng đất	68.435.678	68.435.678			136.871.356
Giá trị còn lại	3.353.348.222				3.284.912.544
Quyền sử dụng đất	3.353.348.222				3.284.912.544

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn	9.781.429.174	9.982.073.878
Công cụ dụng cụ	4.080.357.603	4.859.825.952
<b>Cộng</b>	<b>13.861.786.777</b>	<b>17.841.899.830</b>

#### 11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	223.303.930.327	207.398.020.283
Ngân hàng TMPC Quân đội (1)	179.882.717.735	177.401.015.485
VND	179.882.717.735	165.441.702.326
USD		11.959.313.159
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	43.421.212.592	29.997.004.798
VND	43.421.212.592	29.997.004.798
USD		
Nợ dài hạn đến hạn trả	85.649.000	398.499.740
Vay dài hạn đến hạn phải trả	85.649.000	398.499.740
Vay ngân hàng TMCP Quân đội	85.649.000	398.499.740
<b>Cộng</b>	<b>223.389.579.327</b>	<b>207.796.520.023</b>

(1) Hợp đồng tín dụng số 46.12.004.369260.TD.DN ngày 30/03/2012 giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Hồ. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo gồm: Máy móc thiết bị trị giá 16.207.000.000 đồng theo từng Hợp đồng thế chấp số 87(3).10.004.369260.TC.DN ký ngày 07/10/2010; Máy móc thiết bị trị giá 7.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 284.10.004.369260.DKDB ngày 22/10/2010; Máy móc thiết bị trị giá 241.000 USD theo Hợp đồng thế chấp số 69.10.004.369260.DB ngày 20/08/2010; Nhà xưởng trị giá 27.764.900.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 87(1).10.004.369260.TC.DN ngày 01/03/2011; Nhà xưởng trị giá 11.403.100.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 87(2).10.004.369260.TC.DN ngày 07/10/2010; Hàng tồn kho luân chuyển trị giá 140.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 15.10.004.369260.DB ngày 14/04/2010; và các khoản phải thu từ công trình, dự án đang triển khai. Tổng giá trị tài sản thế chấp: 207.406.520.000 đồng

(2) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTĐ/12063 ngày 09/07/2012, thời hạn cấp tín dụng là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất VND là 13,5%/năm, lãi suất vay USD là 7,3%/năm, lãi suất theo từng đợt nhận nợ, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị, lưới phay để sản xuất, lắp ráp cửa uPVC được lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á tại địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Tân Bình, Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/10065 ngày 12/09/2011, tài sản đảm bảo trị giá 2.482.700.000 VND và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Tân Bình, Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B399458 ngày 28/09/2011, theo hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/10071 ngày 23/11/2011, tài sản đảm bảo trị giá 21.828.000.000 đồng.

## 12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	699.832.832	1.535.828.342
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	225.485.958	276.344.789
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	72.672.703	81.001.588
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.327.524.338	4.863.252.602
Thuế thu nhập cá nhân	797.225.775	546.320.507
<b>Cộng</b>	<b>8.122.741.606</b>	<b>7.302.747.828</b>

## 13. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng Hà Nam	840.528.016	560.384.032
Chi phí phải trả khác	8.000.000	3.972.164
<b>Cộng</b>	<b>848.528.016</b>	<b>564.356.196</b>

#### 14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	247.373.913	240.541.914
• Kinh phí công đoàn	34.911.040	60.018.760
Bảo hiểm xã hội, y tế	266.058.580	515.000.866
Bảo hiểm thất nghiệp	89.211.202	66.861.231
Phải trả, phải nộp khác	11.345.450.178	14.316.030.661
Ông Nguyễn Bá Hùng	2.299.500.000	5.099.500.000
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	4.049.500.000	8.099.000.000
Phải trả phải nộp khác	4.996.450.178	1.117.530.661
<b>Cộng</b>	<b>11.983.004.913</b>	<b>15.198.453.432</b>

#### 15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>24.284.503.130</b>	<b>21.613.066.241</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	24.284.503.130	21.613.066.241
VND	10.323.919.848	3.427.757.040
USD	13.960.583.282	18.185.309.201
Nợ dài hạn (4)	9.621.604.570	12.915.780.342
<b>Trái phiếu phát hành</b>	<b>53.500.000.000</b>	
Công ty liên doanh Shide Việt Nam	13.500.000.000	
Japan South East Asia Growth Fund L.P.	40.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>87.406.107.700</b>	<b>34.528.846.583</b>

(3) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo Hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân là 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.



- Hợp đồng tín dụng số 271.12.004.369260.TD.DN ngày 05/12/2012, thời hạn vay từ 08/10/2012 đến 08/10/2016, lãi suất 17,5%/năm, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 960m<sup>2</sup> tại thửa đất số GD1-9 và GD1-10 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB916778 ngày 16/09/2010 với giá trị 13.440.000.000 đồng, 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile trị giá 4.506.040.000 VND, 01 máy trộn giá trị 18.164.190.000 đồng.

(4) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

#### 16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	46.784.795	9.353.236
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>46.784.795</b>	<b>9.353.236</b>

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX		345.814.273
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	2.195.912.413	9.494.108.606
Công ty Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp – XNXD số 5	272.727.273	
Công ty Dimension International Corp paid		5.792.586
Công ty CP ĐT XD và KD nhà Sài Gòn	726.571.382	
Công ty CP Xây dựng số 2		1.254.807.093
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386		746.549.964
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hưng		263.825.066
Công ty CP Xây dựng số 1		7.298.196.193
Các công trình khác		909.770.825
<b>Cộng</b>	<b>3.195.211.068</b>	<b>20.318.864.606</b>

#### 18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>100.000.000.000</b>		<b>18.844.544.602</b>	<b>118.844.544.602</b>
Tăng vốn trong năm trước	25.000.000.000	4.050.000.000		29.050.000.000
Lãi trong năm trước			14.460.300.143	14.460.300.143
Chi trả cổ tức			(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Trích các quỹ			(2.487.165.116)	(2.487.165.116)
Giảm khác			(1.785.436.089)	(1.785.436.089)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>	<b>15.032.243.540</b>	<b>144.082.243.540</b>
Tăng vốn trong năm nay	12.500.000.000			12.500.000.000
Lãi trong năm nay			23.891.695.016	23.891.695.016
Chia cổ tức			(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Trích lập các quỹ			(1.137.622.105)	(1.137.622.105)
Giảm khác			(1.234.959.467)	(1.234.959.497)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>	<b>24.051.356.984</b>	<b>165.601.356.984</b>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	34.999.250.000	31.812.000.000
Nguyễn Bá Hùng	44.074.250.000	40.067.500.000
Công ty Tam Sơn	13.750.000.000	12.500.000.000
Các cổ đông khác	44.676.500.000	40.620.500.000
<b>Cộng</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	125.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	12.500.000.000	25.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	137.500.000.000	125.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

d. Cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.750.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.750.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.750.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	21	0
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.749.979	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.749.979	12.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e. Các quỹ của công ty

	01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	3.239.682.853	64.270.269		3.303.953.122
Quỹ dự phòng tài chính	2.776.281.011	568.811.053		3.345.092.064
Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	1.760.063.750			1.760.063.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.776.027.614</b>	<b>633.081.322</b>		<b>8.409.108.936</b>

(\*) Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn Điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ của Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

**19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm	434.679.020.355	434.329.603.066
Doanh thu thi công công trình	128.162.605.665	38.679.764.614
Doanh thu bán hàng hóa	332.415.919.996	130.570.303.922
<b>Cộng</b>	<b>895.257.546.016</b>	<b>603.579.671.602</b>

**20. Các khoản giảm trừ doanh thu**



	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chiết khấu thương mại	1.005.400.694	548.852.433
Giảm giá hàng bán		719.553.179
Hàng bán trả lại	797.552.283	2.448.711.454
<b>Cộng</b>	<b>1.802.952.977</b>	<b>3.717.117.066</b>

### 21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	433.033.406.789	430.612.486.000
Doanh thu thuần thi công công trình	128.005.266.254	38.679.764.614
Doanh thu thuần bán hàng hóa	332.415.919.996	130.570.303.922
<b>Cộng</b>	<b>893.454.593.039</b>	<b>599.862.554.536</b>

### 22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán thành phẩm	373.863.014.894	348.469.425.354
Giá vốn thi công công trình	96.472.516.995	38.905.500.031
Giá vốn bán hàng hóa	321.199.446.689	122.727.159.107
<b>Cộng</b>	<b>791.533.978.578</b>	<b>510.102.084.492</b>

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	80.964.074	116.688.573
<b>Cộng</b>	<b>80.964.074</b>	<b>116.688.573</b>

### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	40.903.193.549	34.207.758.810
Chi phí tài chính khác	955.400.431	2.295.004.549
<b>Cộng</b>	<b>41.858.593.980</b>	<b>36.502.763.359</b>

**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.891.695.016	14.460.300.143
• Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.891.695.016	14.460.300.143
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.051.361	11.836.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.831	1.222

## 26. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là sản xuất và mua bán các vật tư, thiết bị ngành nhựa, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Công ty báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Đóng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012**

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Sản</b>					
Sản bộ phận	252.536.059.673	525.238.723.295	293.972.507.743	(437.608.238.491)	634.139.052.220
<b>Đóng tài sản hợp nhất</b>	<b>252.536.039.673</b>	<b>525.238.723.295</b>	<b>293.972.507.743</b>	<b>(437.608.238.491)</b>	<b>634.139.052.220</b>
<b>Phải trả</b>					
Phải trả bộ phận	169.423.931.308	383.917.684.152	246.318.834.768	(339.531.653.928)	460.128.796.300
<b>Đóng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>169.423.931.308</b>	<b>383.917.684.152</b>	<b>246.318.834.768</b>	<b>(339.531.653.928)</b>	<b>460.128.796.300</b>

**Đóng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2012**

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Sản</b>					
Sản bộ phận	238.337.050.984	429.535.880.691	288.448.158.419	(386.910.810.818)	569.410.279.277
<b>Đóng tài sản hợp nhất</b>	<b>238.337.050.984</b>	<b>429.535.880.691</b>	<b>288.448.158.419</b>	<b>(386.910.810.818)</b>	<b>569.410.279.277</b>
<b>Phải trả</b>					
Phải trả bộ phận	168.781.153.687	300.835.486.725	237.578.631.112	(288.864.044.641)	418.331.226.884
<b>Đóng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>168.781.153.687</b>	<b>300.835.486.725</b>	<b>237.578.631.112</b>	<b>288.864.044.641</b>	<b>418.331.226.884</b>



**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012**

	<b>Sản xuất VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Thi công công trình VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
anh thu thuần	434.904.798.581	226.249.257.839	324.759.216.502	(92.458.949.883)	893.454.593.039
anh thu hoạt động tài chính	38.636.010	14.565.383.518	3.877.168	(14.526.932.622)	80.964.074
phí sản xuất kinh doanh	414.366.358.114	228.498.437.340	315.862.873.514	(92.616.289.294)	866.111.379.674
- <i>Giá vốn hàng bán</i>	375.733.406.686	220.448.951.738	287.967.909.448		791.533.978.578
- <i>Chi phí tài chính</i>	26.659.458.435	3.103.453.697	12.095.681.848	(92.616.289.294)	41.858.593.980
- <i>Chi phí bán hàng</i>	6.181.577.942	2.670.288.891	9.817.214.587		18.669.081.420
- <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	5.791.915.051	2.275.743.014	2.982.067.631		14.049.725.696
<b>ết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>20.577.076.477</b>	<b>12.316.474.017</b>	<b>8.900.220.156</b>	<b>(14.369.593.211)</b>	<b>27.424.177.439</b>
<b>trong công ty liên kết, liên doanh</b>					
nhuận khác	129.049.658	73.464.125	229.989.831		432.503.614
<b>lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>20.706.126.135</b>	<b>12.389.938.142</b>	<b>9.130.209.987</b>	<b>(14.369.593.211)</b>	<b>27.856.681.053</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011**

	<b>Sản xuất VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Thi công công trình VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
anh thu thuần	295.082.375.441	128.306.260.884	266.268.152.206	(89.794.233.995)	599.862.554.536
anh thu hoạt động tài chính	8.239.646	103.395.673	5.053.254		116.688.573
phí sản xuất kinh doanh	289.320.971.783	129.945.720.739	253.774.869.843	(89.794.233.995)	583.247.328.370
- <i>Giá vốn hàng bán</i>	257.189.325.476	120.005.045.881	222.701.947.130	(89.794.233.995)	510.102.084.492
- <i>Chi phí tài chính</i>	19.586.298.555	5.779.618.482	11.136.846.322		36.502.763.359
- <i>Chi phí bán hàng</i>	5.790.956.256	1.556.315.666	12.794.562.802		20.141.84.724
- <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	6.754.391.496	2.604.740.710	7.141.513.589		16.500.645.795
<b>lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.769.643.304</b>	<b>(1.536.064.182)</b>	<b>12.498.335.617</b>		<b>16.731.914.739</b>
nhận khác	1.191.657.395	83.777.811	557.541.858		1.832.977.064
<b>lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>6.961.300.699</b>	<b>(1.452.286.371)</b>	<b>13.055.877.475</b>		<b>18.564.891.803</b>

## 27. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

- Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh phần IV.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.289.510.012	18.374.238.991
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.890.414.039	147.367.246.561
<b>Tổng cộng</b>	<b>173.179.924.051</b>	<b>165.741.485.552</b>
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	310.795.687.027	242.325.366.606
Phải trả người bán và phải trả khác	106.225.624.815	85.070.386.147
Chi phí phải trả	848.528.016	564.356.196
<b>Tổng cộng</b>	<b>417.869.839.858</b>	<b>327.960.108.949</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty có giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ			
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đô la Mỹ (USD)	19.239.797.527	30.144.622.360	16.370.662	1.259.015.380

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của Công ty vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoạt động đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính chi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	106.120.624.815	105.000.000	106.225.624.815
Chi phí phải trả	848.528.016		848.528.016

Các khoản vay	223.389.579.327	87.406.107.700	310.795.687.027
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	84.965.386.147	105.000.000	85.070.386.147
Chi phí phải trả	564.356.196		564.356.196
Các khoản vay	207.796.520.023	34.528.846.583	242.325.366.606

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi suất từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.289.510.012		35.289.510.012
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.890.414.039		137.890.414.039
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.374.238.991		147.367.246.561
Phải thu khách hàng và phải thu khác	147.216.725.836	150.520.725	147.367.246.561

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TIỀN TỆ HỢP NHẤT.

28. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<b>Năm 2012 VND</b>	<b>Năm 2011 VND</b>
Tăng vốn do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	12.500.000.000	
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay	591.190.463	

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### 1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Năm 2012 VND</b>	<b>Năm 2011 VND</b>
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	83.169.544.424	31.065.128.928
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	73.432.397.370	31.065.128.928
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	49.710.909.491	49.777.844.151

Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn

Cổ đông chiến lược 355.212.815.402 132.959.211.793

**1.2 Số dư với các bên liên quan**
**Các khoản phải thu**

 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát  
 Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn

Quan hệ với Công ty	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
---------------------	-----------------	-----------------

Cổ đông sáng lập	1.435.621.440	13.704.368.918
------------------	---------------	----------------

Cổ đông chiến lược	10.051.431.465	
--------------------	----------------	--

**Các khoản phải trả**

 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát  
 Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn

Cổ đông sáng lập	6.463.473.503	29.220.214.399
------------------	---------------	----------------

Cổ đông chiến lược	2.299.500.000	
--------------------	---------------	--

Phải trả khác

Ông Nguyễn Bá hùng

Cổ đông sáng lập	2.299.500.000	5.099.500.000
------------------	---------------	---------------

**1.3 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Lương và các khoản thu nhập khác

Năm 2012 VND
-----------------

958.208.955
-------------

**Cộng**

958.208.955
-------------

**2. Những thông tin khác**
**2.1 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Người lập



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châm

 Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
 Tổng Giám đốc


Trần Thị Lê Hải



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

## **Báo cáo tài chính Công ty mẹ**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HDTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HDTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất Nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: *Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

#### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Lô 1 CN5 Khu Công nghiệp Ngọc Hồi – xã Ngọc Hồi – huyện Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 3689 1818 Fax: (04) 3686 1616

Văn phòng giao dịch: Tầng 9 tháp Tây tổ hợp đa năng 28 tầng làng quốc tế Thăng Long, Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy

Điện thoại: (04) 3793 8686 Fax: (04) 3793 8181

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lê Hải	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2012)
Ông Marume Mitsumo	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 02/10/2012)
Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm: 02/10/2012; miễn nhiệm: 31/01/2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Mai Thu Hà	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 20/02/2013)
Bà Nguyễn Thị Châm	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 20/02/2013)

#### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

#### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 20/02/2013, Công ty đã có quyết định bãi nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Mai Thu Hà và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Châm. Do có sự thay đổi nhân sự nêu trên nên Báo cáo tài chính này chức danh Kế toán trưởng được ký duyệt bởi bà Nguyễn Thị Châm.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoại trừ vấn đề nêu trên xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2012.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG A**



Trần Thị Lê Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012**  
**của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

**Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 20/03/2013 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 11 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

- (c) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và



(d) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Ngô Bá Duy  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính:

VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2012
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	V.1.	<b>408.180.299.366</b>	<b>296.444.759.075</b>
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>34.367.791.228</b>	<b>2.838.626.345</b>
1	Tiền	111		14.367.791.228	2.838.626.345
2	Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>320.798.248.919</b>	<b>255.008.974.258</b>
1	Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	19.827.079.425	9.096.980.640
2	Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	32.149.198.540	6.614.280.941
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	269.624.970.954	240.100.712.677
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(803.000.000)	(803.000.000)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>51.104.540.504</b>	<b>36.649.910.119</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	51.104.540.504	36.649.910.119
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.909.718.715</b>	<b>1.947.248.353</b>
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152			285.760.610
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	176.745.341	176.745.341
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	1.732.973.374	1.484.742.402
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>117.058.423.929</b>	<b>129.522.063.070</b>
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.726.595.057</b>	<b>26.318.845.133</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	9.301.284.044	10.554.247.124
-	Nguyên giá	222		14.672.775.761	14.655.120.510
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.371.491.717)	(4.100.873.386)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.6.		43.226.956
-	Nguyên giá	228		407.819.466	407.819.466
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(407.819.466)	(364.592.510)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	4.425.311.013	15.721.371.053
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.8.</b>	<b>3.284.912.544</b>	<b>3.353.348.222</b>
-	Nguyên giá	241		3.421.783.900	3.421.783.900
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(136.871.356)	(68.435.678)
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>Y.</b>	<b>98.000.000.000</b>	<b>98.000.000.000</b>
1	Đầu tư vào công ty con			98.000.000.000	98.000.000.000
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.046.916.328</b>	<b>1.849.869.715</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	1.887.106.328	1.680.059.715
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.11	159.810.000	169.810.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>525.238.723.295</b>	<b>425.966.822.145</b>

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2012
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>383.917.684.152</b>	<b>297.548.959.420</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>294.012.936.766</b>	<b>253.150.189.958</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	223.389.579.327	207.796.520.023
2	Phải trả người bán	312	VIII.2.4	49.675.016.677	23.507.173.247
3	Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	8.660.000.280	2.395.867.043
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	244.829.800	1.425.406.349
5	Phải trả người lao động	315		352.430.278	531.594.090
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	11.691.080.404	17.493.629.206
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>89.904.747.386</b>	<b>44.398.769.462</b>
3	Phải trả dài hạn khác	333	V.15.	30.000.000	30.000.000
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	87.406.107.700	34.528.846.583
7	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	2.468.639.686	9.839.922.879
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>141.321.039.143</b>	<b>128.417.862.725</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18.</b>	<b>141.321.039.143</b>	<b>128.417.862.725</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		137.500.000.000	125.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	4.050.000.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ	414		(210.000)	
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(657.145.765)
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(228.750.857)	25.008.490
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>525.238.723.295</b>	<b>425.966.822.145</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Thị Hương

  
 Nguyễn Thị Châm

  
 Trần Thị Lê Hải


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Năm 2012

(Mẫu số B02-DN/HN)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.19.</b>	<b>226.406.867.249</b>	<b>129.530.616.611</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20.	157.339.411	1.224.355.727
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.21.</b>	<b>226.249.527.838</b>	<b>128.306.260.884</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22.	220.448.951.737	120.005.045.881
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.800.576.101</b>	<b>8.301.215.003</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23.	14.565.383.518	17.512.389.587
7 Chi phí tài chính	22	VI.24.	3.103.453.697	5.779.618.482
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.387.352.789	5.050.859.690
8 Chi phí bán hàng	24		2.670.288.891	1.556.315.666
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.275.743.014	2.604.740.710
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.316.474.017</b>	<b>15.872.929.732</b>
11 Thu nhập khác	31		180.252.239	9.991.334.665
12 Chi phí khác	32		106.788.114	9.907.556.854
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>73.464.125</b>	<b>83.777.811</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.389.938.142</b>	<b>15.956.707.543</b>
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.389.938.142</b>	<b>15.956.707.543</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Hương

  
 Nguyễn Thị Châm

  
 Trần Thị Lê Hải




## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2012

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		240.180.373.467	192.233.884.056
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(254.989.926.897)	(242.983.487.258)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.664.359.569)	(4.463.648.540)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.387.352.789)	(32.896.040.576)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		45.744.096.585	4.584.735.122
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(62.241.685.369)	(25.698.745.668)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(36.358.854.572)</b>	<b>(109.223.302.864)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.362.981)	(17.136.221.112)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.391.256	36.411.015
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>9.028.275</b>	<b>(17.099.810.097)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			29.050.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		770.246.034.514	434.247.237.843
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(701.962.762.557)	(330.443.138.720)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(404.142.000)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(4.853.980.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>67.879.129.957</b>	<b>128.000.119.123</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>31.529.303.660</b>	<b>1.677.006.162</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1.</b>	<b>2.838.626.345</b>	<b>1.161.620.183</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(138.777)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>34.367.791.228</b>	<b>2.838.626.345</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Thị Hương

  
 Nguyễn Thị Châm

  
 Trần Thị Lê Hải

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 2 năm 2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15 tháng 8 năm 2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19 tháng 9 năm 2006, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đã có 04 lần thay đổi chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bốn ngày 18/07/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai lăm tỷ đồng*)

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép, kết cấu thép.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/ 01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính.

### 2. Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số V.27

### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### 4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định lại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của

301 4 0 4 1 11



ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03- Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về việc hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

### 3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình



Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và hệ thống quản lý ISO 9001.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính .

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
Phần mềm máy vi tính	4
Hệ thống quản lý ISO 9001	4

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là các khoản đầu tư vào Công ty con có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

3  
1  
3  
H  
N  
(  
1  
1  
11

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu xây lắp, và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hóa được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã được thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Việt Nam số 15 – “Hợp đồng xây dựng”

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

##### **10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng là các dự án xây dựng nhà máy tại Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam, chi phí nhập máy móc ở Hà Nam được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

##### **10.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được công ty ghi nhận là vay dài hạn.

#### 10.4 Các nghĩa vụ về thuế

##### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện việc kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 10.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	943.529	513.828.606
Tiền gửi ngân hàng	14.366.847.699	2.324.797.739
Tiền VND	14.350.477.037	2.109.819.331
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	916.090	1.002.567
Ngân hàng TMCP Á Châu	76.740.483	74.880.982
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.128.250.917	190.300.474
Ngân hàng TMCP Tiên phong	107.751.029	106.027.587
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	13.516.794	13.218.248
Ngân hàng TMCP Vietcombank	4.022.151.606	1.716.823.068



Ngân hàng Techcombank Sở giao dịch	1.150.118	1.000.000
Ngân hàng May bank		6.566.405
<b>Tiền USD</b>	<b>16.370.662</b>	<b>214.978.408</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu		117.886
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.361.103	1.938.236
Ngân hàng TMCP Vietcombank	14.009.559	212.674.617
Ngân hàng May bank		240.449
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		7.220
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>20.000.000.000</b>	
Ngân hàng TMCP Quân đội	20.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>34.367.791.228</b>	<b>2.838.626.345</b>

## 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	32.018.859.398	30.699.866.934
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	124.824.686.362	123.608.251.672
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	110.614.184.756	81.847.538.716
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	976.514.798	1.593.716.000
Các khoản phải thu khác	1.190.725.640	2.351.339.355
<b>Cộng</b>	<b>4269.624.970.954</b>	<b>240.100.712.677</b>

## 3. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.651.241.222	9.839.922.789
Hàng hóa	46.453.299.282	26.809.987.330
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>51.104.540.504</b>	<b>36.649.910.119</b>

## 4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.745.341	176.745.341
<b>Cộng</b>	<b>184.715.866</b>	<b>176.745.341</b>

## 5. Tài sản cố định hữu hình



Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2012	13.962.186.476	692.934.034	14.655.120.510
Tăng khác	390.583.251		390.583.251
Chuyển sang BĐS đầu tư			
Thanh lý, nhượng bán	(372.928.000)		(372.928.000)
Số dư ngày 31/12/2012	13.979.841.727	692.934.034	14.672.775.761
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2012	3.567.094.706	533.778.680	4.100.873.386
Khấu hao trong năm	1.443.640.988	95.019.366	1.538.660.354
Thanh lý, nhượng bán	(268.042.023)		(268.042.023)
Số dư ngày 31/12/2012	4.742.693.671	628.798.046	5.371.491.717
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2012	10.395.091.770	159.155.354	10.554.247.124
Tại ngày 31/12/2012	9.237.148.056	64.135.988	9.301.284.044

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.820.403.980 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 13.103.409.051 đồng

#### 6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2012	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Mua trong năm			
Số dư ngày 31/12/2012	387.972.800	19.846.666	407.819.466
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2012	344.745.844	19.846.666	364.592.510
Khấu hao trong kỳ	43.226.956		43.226.956
Số dư ngày 31/12/2012	387.972.800	19.846.666	407.819.466
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2012	43.226.956		43.226.956
Tại ngày 31/12/2012			

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>2.292.286.499</b>	<b>1.491.087.054</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.133.024.514</b>	<b>14.230.283.999</b>
Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam – Khu công nghiệp Ngọc Hồi	1.792.522.400	1.792.522.400
Máy móc Hà Nam	340.502.114	
Thuê tài chính dây chuyền nhôm HDD75 28/11/2011		8.666.701.751
Chi phí nhập máy sx thanh nhựa profile		3.771.059.848
<b>Cộng</b>	<b>4.425.311.013</b>	<b>15.721.371.053</b>

**8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm năm	trong	31/12/2012
<b>Nguyên giá</b>	<b>3.421.783.900</b>				<b>3.421.783.900</b>
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900				3.421.783.900
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>68.435.678</b>	<b>68.435.678</b>			<b>136.871.356</b>
Quyền sử dụng đất	68.435.678	68.435.678			136.871.356
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.353.348.222</b>				<b>3.284.912.544</b>
Quyền sử dụng đất	3.353.348.222				3.284.912.544

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn Đầu tư vào Công ty con**

	Tỷ lệ phần trăm vốn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	100%	58.000.000.000	58.000.000.000
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	100%	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á	100%	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>98.000.000.000</b>	<b>98.000.000.000</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.887.106.328	1.680.059.715
<b>Cộng</b>	<b>1.887.106.328</b>	<b>1.680.059.715</b>

**11. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	159.810.000	169.810.000
<b>Cộng</b>	<b>159.810.000</b>	<b>169.810.000</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>223.303.930.327</b>	<b>207.398.020.283</b>
Ngân hàng TMPC Quân đội (1)	179.882.717.735	177.401.015.485
VND	179.882.717.735	165.441.702.326
USD		11.959.313.159
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	43.421.212.592	29.997.004.798
VND	43.421.212.592	29.997.004.798
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>85.649.000</b>	<b>398.499.740</b>
<b>Cộng</b>	<b>223.389.579.327</b>	<b>207.796.520.023</b>

(1) Hợp đồng tín dụng số 46.12.004.369260.TD.DN ngày 30/03/2012 giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Hồ. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo gồm: Máy móc thiết bị trị giá 16.207.000.000 đồng theo từng Hợp đồng thế chấp số 87(3).10.004.369260.TC.DN ký ngày 07/10/2010; Máy móc thiết bị trị giá 7.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 284.10.004.369260.DKDB ngày 22/10/2010; Máy móc thiết bị trị giá 241.000 USD theo Hợp đồng thế chấp số 69.10.004.369260.ĐB ngày 20/08/2010; Nhà xưởng trị giá 27.764.900.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 87(1).10.004.369260.TC.DN ngày 01/03/2011; Nhà xưởng trị giá 11.403.100.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 87(2).10.004.369260.TC.DN ngày 07/10/2010; Hàng tồn kho luân chuyển trị giá 140.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 15.10.004.369260.ĐB ngày 14/04/2010; và các khoản phải thu từ công trình, dự án đang triển khai. Tổng giá trị tài sản thế chấp: 207.406.520.000 đồng

(2) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/12063 ngày 09/07/2012, thời hạn cấp tín dụng là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất VND là 13,5%năm, lãi suất vay USD là 7,3%, lãi suất theo từng đợt nhận nợ, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị, lưới phay để sản xuất, lắp ráp cửa uPVC được lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á tại địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Tân Bình, Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/10065 ngày 12/09/2011, tài sản đảm bảo trị giá 2.482.700.000 VND và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Tân Bình, Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B399458 ngày 28/09/2011, theo hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/10071 ngày 23/11/2011, tài sản đảm bảo trị giá 21.828.000.000 đồng.

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	60.579.369	1.238.816.001
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	184.250.431	186.590.348
<b>Cộng</b>	<b>244.829.800</b>	<b>1.425.406.349</b>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	25.425.000	3.760.000
Bảo hiểm xã hội, y tế		63.624.634
Bảo hiểm thất nghiệp	26.324.345	4.906.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.349.000.000	17.421.338.572
<i>Ông Nguyễn Bá Hùng</i>	<i>2.299.500.000</i>	<i>5.099.500.000</i>
<i>Công ty TNHH TMDV Hùng Phát</i>	<i>4.049.500.000</i>	<i>8.099.000.000</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>5.290.331.059</i>	<i>4.222.838.572</i>
<b>Cộng</b>	<b>11.691.080.404</b>	<b>17.493.629.206</b>

**15. Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>24.284.503.130</b>	<b>21.613.066.241</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	24.284.503.130	21.613.066.241
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>9.621.604.570</b>	<b>12.915.780.342</b>
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương (2)	9.621.604.570	12.915.780.342
<b>Trái phiếu phát hành</b>	<b>53.500.000.000</b>	
<i>Công ty liên doanh Shide Việt Nam</i>	<i>13.500.000.000</i>	
<i>Japan South East Asia Growth Fund L.P.</i>	<i>40.000.000.000</i>	
<b>Cộng</b>	<b>87.406.107.700</b>	<b>34.528.846.583</b>

(1) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25/12/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản



vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo Hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU10.01 ngày 20/05/2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 271.12.004.369260.TD.DN ngày 05/12/2012, thời hạn vay từ 08/10/2012 đến 08/10/2016, lãi suất 17,5%/năm, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 960m<sup>2</sup> tại thửa đất số GD1-9 và GD1-10 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB916778 ngày 16/09/2012 với giá trị 13.440.000.000 đồng, 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile trị giá 4.506.040.000 VND, 01 máy trộn giá trị 18.164.190.000 đồng.

(2) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX		345.814.273
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	2.195.912.413	9.494.108.606
Công ty Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp – XNXD số 5	272.727.273	
<b>Cộng</b>	<b>3.195.211.068</b>	<b>20.318.864.606</b>

#### 18. Vốn chủ sở hữu

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>100.000.000.000</b>		<b>(1.341.055.710)</b>	<b>98.658.944.290</b>
Tăng vốn trong năm trước	25.000.000.000	4.050.000.000		29.050.000.000
Lãi trong năm trước			15.956.707.543	15.956.707.543
Chia cổ tức			(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Giảm vốn trong năm trước				
Lỗ trong năm trước				
Giảm khác			(590.643.343)	(590.643.343)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>	<b>25.008.490</b>	<b>129.075.008.490</b>
Tăng vốn trong năm nay	12.500.000.000			12.500.000.000
Lãi trong năm nay			12.389.938.142	12.389.938.142
Chia cổ tức			(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Giảm khác			(143.697.489)	(143.697.489)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>	<b>(228.750.857)</b>	<b>141.321.249.143</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	34.999.250.000	31.812.000.000
Nguyễn Bá Hùng	44.074.250.000	40.067.500.000
Công ty Tam Sơn	13.750.000.000	12.500.000.000
Các cổ đông khác	44.676.500.000	40.620.500.000
<b>Cộng</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	125.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	12.500.000.000	25.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	137.500.000.000	125.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.750.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.750.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.750.000</i>	<i>12.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	21	0
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21</i>	<i>0</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.749.979	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.749.979</i>	<i>12.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
**19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm	169.544.153.226	90.850.851.997
Doanh thu thi công công trình	43.341.223.747	38.679.764.614
Doanh thu bán hàng hóa	13.521.490.276	
<b>Cộng</b>	<b>226.406.867.249</b>	<b>129.530.616.611</b>

**20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hàng bán trả lại	157.339.411	1.224.355.727
<b>Cộng</b>	<b>157.339.411</b>	<b>1.224.355.727</b>

**21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	169.386.813.815	89.626.496.270
Doanh thu thuần hoạt động lắp đặt	43.341.223.747	38.679.764.614
Doanh thu thuần hoạt động khác	13.521.490.276	
<b>Cộng</b>	<b>226.249.527.838</b>	<b>128.306.260.884</b>

## 22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa	163.500.402.036	81.099.545.850
Giá vốn hoạt động lắp đặt	43.341.223.747	38.905.500.031
Giá vốn hoạt động khác	13.607.325.954	
<b>Cộng</b>	<b>220.448.951.737</b>	<b>120.005.045.881</b>

## 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	36.391.256	42.236.567
Cổ tức lợi nhuận được chia	14.526.932.622	17.409.202.653
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.059.640	60.950.367
<b>Cộng</b>	<b>14.565.383.518</b>	<b>17.512.389.587</b>

## 24. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	2.387.352.789	5.050.859.690
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	110.931.197	677.123.551
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	605.169.711	
Chi phí tài chính khác		51.635.241
<b>Cộng</b>	<b>3.103.453.697</b>	<b>5.779.618.482</b>

## 25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	240.995.163.595	138.400.782.483
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	227.948.184.994	139.853.277.593
Thu nhập được miễn thuế	14.526.932.622	
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.479.954.021)	(1.452.495.110)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		

## 26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu

## 27. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ



Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.12 và V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh phần IV.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.367.791.228	2.838.626.345
Phải thu khách hàng và phải thu khác	288.649.050.379	248.394.693.317
Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn		
<b>Tổng cộng</b>	<b>323.016.841.607</b>	<b>251.233.319.662</b>
<b>Công cụ nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	310.795.687.027	242.325.366.606
Phải trả người bán và phải trả khác	61.396.097.081	41.030.802.453
<b>Tổng cộng</b>	<b>372.191.784.108</b>	<b>283.356.169.059</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty có giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<b>Công nợ</b>			
	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đô la Mỹ (USD)</b>	19.239.797.527	30.144.622.360	16.370.662	214.978.408

### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### **Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của Công ty vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoạt động tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính chi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	61.366.097.081	30.000.000	<b>61.396.097.081</b>
Các khoản vay	223.389.579.327	87.406.107.700	<b>310.795.687.027</b>
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>

	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	41.000.802.453	30.000.000	41.030.802.453
Các khoản vay	207.796.520.023	34.528.846.583	242.325.366.606

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi suất từ các tài sản đó (nếu có).

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.367.791.228		34.367.791.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	288.649.050.379		288.649.050.379
Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn			

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.838.626.345		2.838.626.345
Phải thu khách hàng và phải thu khác	248.394.693.317		248.394.693.317
Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn			

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TIỀN TỆ HỢP NHẤT.

28. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tăng vốn do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thường	12.500.000.000	
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay	591.190.463	

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### 1.1 Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Quan hệ với Công ty	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	30.449.620.392	19.942.182.625
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	1.402.571.979	1.153.684.097
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	26.271.003.287	14.924.899.484
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con		968.000



### Mua hàng

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát

Cổ đông sáng lập 9.538.817.570 3.780.415.073

Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn

Cổ đông chiến lược 124.372.268.440 28.585.686.134

Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam

Công ty con 35.812.601.143 48.519.414.493

Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Công ty con 209.090.700 1.836.715.590

### Cổ tức nhận về

**Năm 2012  
VND**

Công ty TNHH Nhựa Đông Á

5.795.282.832

Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á

806.780.532

Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam

7.924.869.258

### 1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	1.435.621.440	13.704.368.918
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Công ty con	32.018.859.398	154.350.758
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	126.869.885.183	709.114.900
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	149.081.226	77.643.500
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	42.736.788.315	729.961.541
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	3.875.151.804	
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Công ty con	864.682.647	
Ông Nguyễn Bá Hùng	Cổ đông sáng lập	2.299.500.000	5.099.500.000

### 1.3 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2012 VND
Lương và các khoản thu nhập khác	958.208.955
<b>Cộng</b>	<b>958.208.955</b>

## 2. Những thông tin khác

### 2.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH V&H Việt Nam	9.158.816.955	620.895.530
Công ty CP thiết bị tự động AMC	620.895.530	620.895.530
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX (N05)	5.471.400.776	6.154.316.593
Tổng công ty Xây dựng nhà Hà Nội	2.475.704.147	
Các đối tượng khác	2.100.262.017	2.321.768.517
<b>Cộng</b>	<b>19.827.079.425</b>	<b>9.096.980.640</b>

### 2.2 Trả trước cho người bán





	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH V&H Việt Nam	5.650.152.902	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Nam – Vicco	1.648.000.000	
Guangxi Pingxiang Yingtai	803.000.000	803.000.000
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	8.302.093.485	5.395.265.765
JIANGYIN NANWEI INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	15.328.729.989	
Các đối tượng khác	417.222.164	416.015.145
<b>Cộng</b>	<b>32.149.198.540</b>	<b>6.614.280.941</b>

### 2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	65.626.831	84.314.054
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.667.346.543	1.400.428.348
<b>Cộng</b>	<b>1.732.973.374</b>	<b>1.484.742.402</b>

### 2.4 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH ĐT&XD An Lập Thành – 28/HĐKT	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn phần mềm quản trị doanh nghiệp	74.196.000	15.814.931.710
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	42.736.788.315	
GAOMING Foreign Trade Enterprise		5.450.054.429
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	229.999.770	1.305.272.249
ITOCHU CORPORATION	5.293.054.715	
Các đối tượng khác	1.040.977.877	636.914.859
<b>Cộng</b>	<b>49.675.016.677</b>	<b>23.507.173.247</b>

### 2.5 Người mua trả tiền trước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tổng công ty Xây dựng Hà Nội (213-N28)		1.141.497.506
Công ty cổ phần Xây dựng số 2		1.254.369.537
Công ty Cổ phần Licogi 13	2.577.015.178	
Tập đoàn Vingroup – Công ty cổ phần	823.115.146	
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	5.110.788.500	
Các đối tượng khác	149.081.456	
<b>Cộng</b>	<b>8.660.000.280</b>	<b>2.395.867.043</b>

## 2.6 Chi phí bán hàng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	420.922.571	1.530.744.195
Chi phí vật liệu, bao bì	275.003	2.749.998
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		6.179.165
Chi phí khấu hao TSCĐ	434.896.668	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.461.085.820	
Chi phí bằng tiền khác	353.108.829	16.642.308
<b>Cộng</b>	<b>2.670.288.891</b>	<b>1.556.315.666</b>

## 2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	978.137.743	
Chi phí vật liệu quản lý		132.144.541
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.569.249	161.520.677
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.449.603	1.005.504.333
Thuế, phí và lệ phí	44.546.366	40.535.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	734.396.441	
Chi phí bằng tiền khác	383.643.614	1.265.035.660
<b>Cộng</b>	<b>2.275.743.014</b>	<b>2.604.740.710</b>

## 2.8 Thu nhập khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý máy móc thiết bị	104.885.977	9.847.266.773
Thu nhập khác	75.366.262	144.067.892
<b>Cộng</b>	<b>180.252.239</b>	<b>9.991.334.665</b>

## 2.9 Chi phí khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý máy móc thiết bị	104.885.977	9.847.266.773
Chi phí khác	1.902.137	92.387.760
<b>Cộng</b>	<b>106.788.114</b>	<b>9.907.556.854</b>

## 2.10 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Người lập

Kế toán trưởng

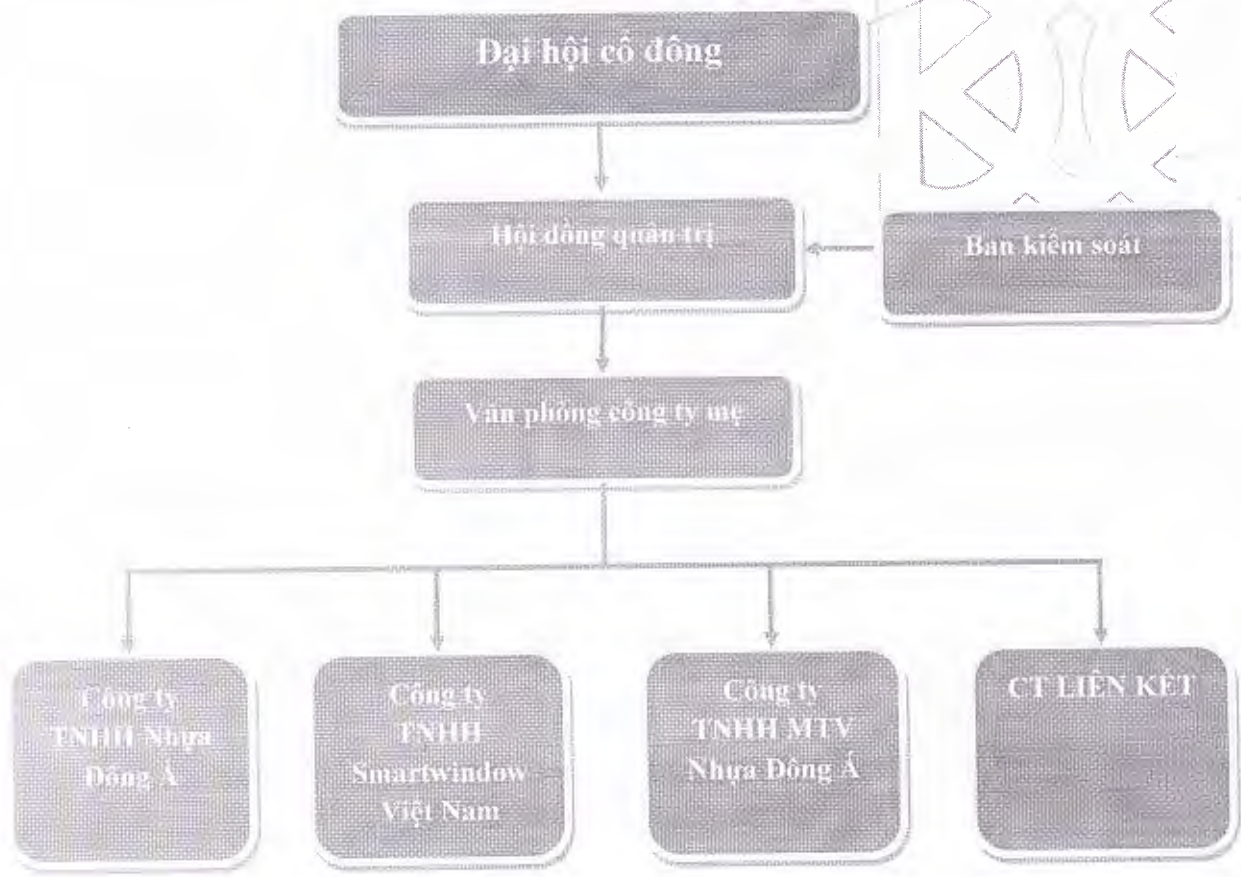
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Tổng Giám đốc

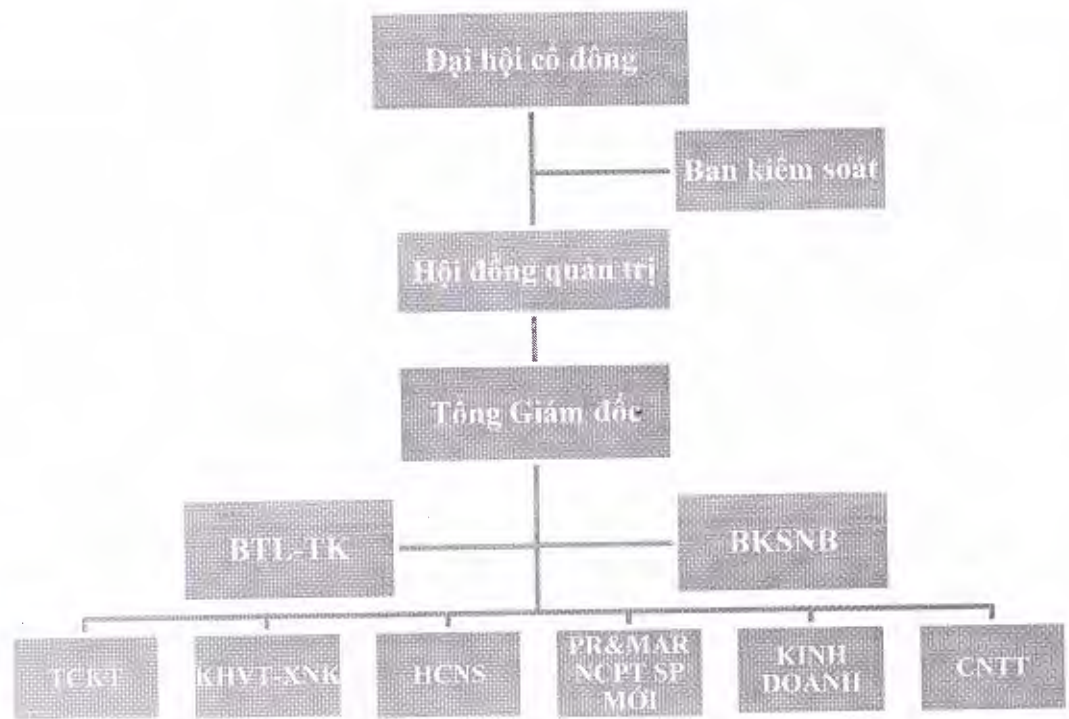


## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức Công ty:

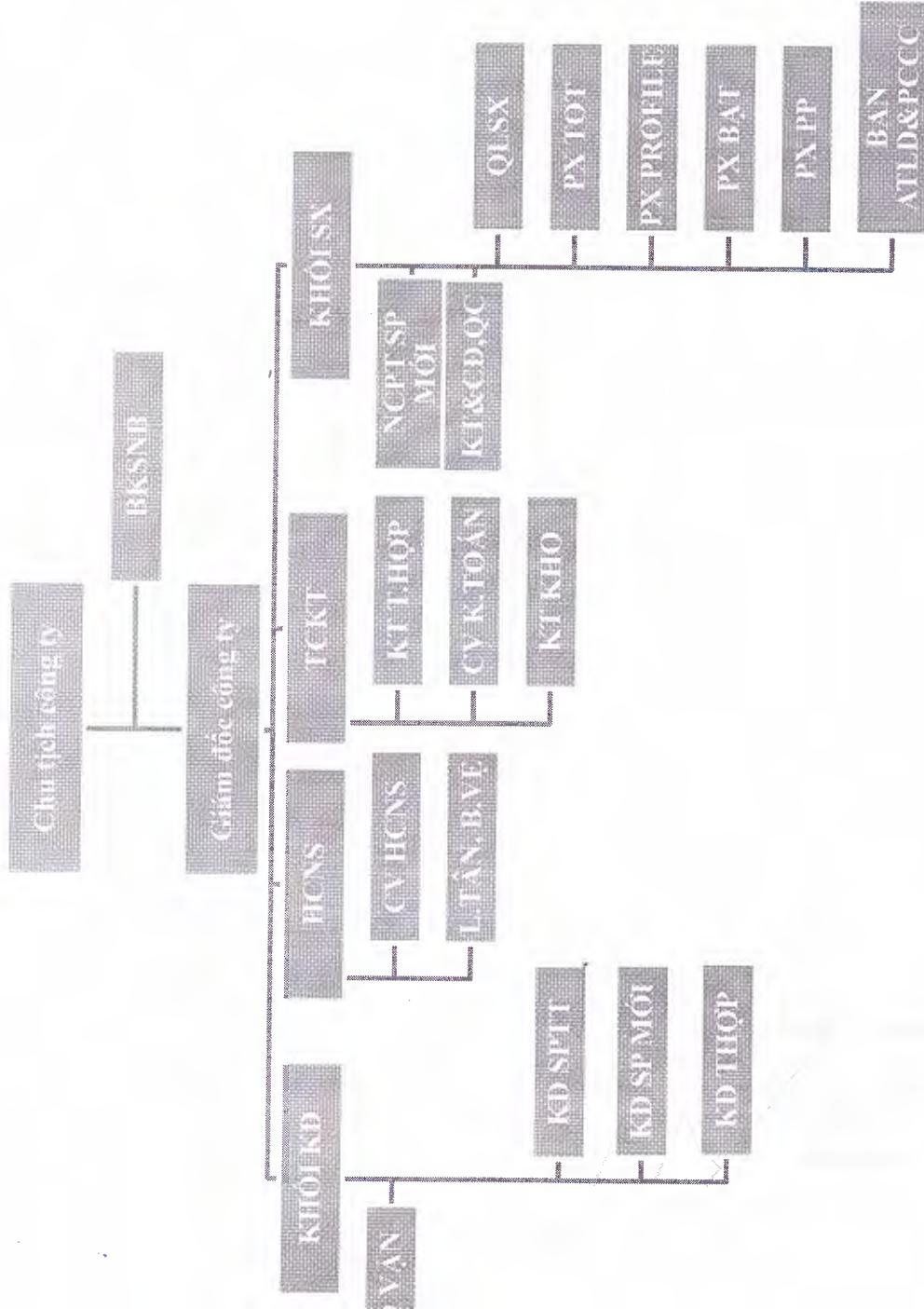


### TỔ CHỨC CÔNG TY MẸ





**TỔ CHỨC CÔNG TY THÀNH VIÊN**





## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc thường trực và 02 Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc điều hành các công ty con.

Tổng Giám đốc là người được ủy quyền của Chủ tịch công ty đại diện trước pháp luật để điều hành Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của DAG trong năm 2011 bao gồm :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc điều hành
2	Ông Nguyễn Phú Thắng	PTGD Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á kiêm Giám đốc nhà máy – Công ty TNHH Nhựa Đông Á
3	Ông Nguyễn Việt Sơn	PTGD Công ty CPTĐ Nhựa Đông Á kiêm Giám đốc nhà máy Công ty TNHH SMW

### **Bà TRẦN THỊ LÊ HẢI - Tổng giám đốc điều hành**

Bà Trần Thị Lê Hải là cử nhân kinh tế trường Đại học Ngoại thương Hà Nội. Bà từng tham gia nhiều khóa học của Phòng thương mại công nghiệp Việt Nam phối hợp với các tổ chức đào tạo quốc tế thuộc các chương trình do Chính Phủ Nhật Bản triển khai ...;

Bà Trần Thị Lê Hải trên 10 năm kinh nghiệm giữ cương vị Giám đốc, Tổng Giám đốc ở các Công ty sản xuất và là người đồng sáng lập cũng như triển khai thị trường của thương hiệu Nhựa Đông Á.

Bằng khả năng quyết đoán trong các năm qua, Bà Trần Thị Lê Hải đã góp phần không nhỏ trong điều hành hoạt động của Tập đoàn Nhựa Đông Á theo đúng hướng và mục tiêu của Hội đồng quản trị đề ra.

### **Ông NGUYỄN PHÚ THẮNG - Phó Tổng Giám đốc – Kiêm GD nhà máy Công ty Nhựa Đông Á – Hà Nội**

Ông Nguyễn Phú Thắng là cử nhân chế tạo máy trường Đại học Bách Khoa;

Ông Nguyễn Phú Thắng có trên 10 năm tham gia công tác điều hành sản xuất từ ngày đầu tiên phát triển thương hiệu Nhựa Đông Á. Với nhiều sản phẩm mũi nhọn được giao cho NĐA, bằng kinh nghiệm và bề dày hoạt động, Ông Nguyễn Phú Thắng sẽ trực tiếp điều hành và quản lý vùng thị trường Hà Nội và các vùng phụ cận với hệ thống sản phẩm đa dạng của Tập đoàn Nhựa Đông Á.

### **Ông NGUYỄN VIỆT SƠN Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Giám đốc nhà máy Công ty Smartwindow Việt Nam**

Ông Nguyễn Việt Sơn là cử nhân Kỹ sư cơ khí, tốt nghiệp tại Nhật Bản

Ông Nguyễn Việt Sơn có trên 6 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà máy tại các Công ty sản xuất hàng đầu tại Nhật Bản. Từ đầu năm 2010, Ông Nguyễn Việt Sơn đảm nhiệm chức vụ Giám đốc nhà máy sản xuất Cửa Smartwindow, trực tiếp quản lý và kiểm soát hệ thống chất lượng sản phẩm, đặc biệt quan trọng khi SMW triển khai nhiều dự án lớn.

## 3. Số lượng CB-CNV và chính sách đối với người lao động

### 3.1. Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2012, DAG có tổng cộng 550 CB-CNV. Trong đó tỷ lệ CB-CNV tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 30% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề bậc 4/7 đạt 60% tổng số lao động phổ

thông tại các KCN. Dự kiến, năm 2013, DAG tăng trưởng thêm 10% số lượng CBNV bổ sung cho tất cả các lĩnh vực của toàn tập đoàn,

### **3.2. Chính sách, chế độ đối với người lao động**

Một trong những trọng tâm phát triển của DAG là thu hút, đào tạo và tạo sự gắn kết lâu dài của CB-CNV với Công ty. Trên cơ sở đó, DAG thực hiện những chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

Tổ chức thăm dò tín nhiệm đội ngũ kế thừa các cấp để tạo nguồn nhân sự kế thừa một cách kịp thời.

#### **3.2.1. Chính sách đào tạo**

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong các công tác nhân sự hàng đầu của DAG. Chính sách đào tạo của DAG có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, thành thạo về nghiệp vụ trong sản xuất – kinh doanh, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân CB-CNV làm việc tại DAG đều có cơ hội tiếp cận với các khóa đào tạo về tay nghề và bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Công ty. Ngoài ra, trong từng thời kỳ, DAG đều cử chức và đài thọ chi phí cho các khóa đào tạo ngắn/dài hạn hướng tới nâng cao năng lực và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng thời kỳ đổi mới và phát triển.

#### **3.2.2. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến**

+ Công tác thi đua hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức thành 3 đợt trong năm. Thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa các tổ đội sản xuất, giữa các bộ phận với nhau nhằm hoàn thành trước kế hoạch được giao

+ Thường xuyên tổ chức những thi đua đưa ra các sáng kiến cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động dù là nhỏ nhất, và có những động viên khích lệ kịp thời.

+ Trong năm, Tập đoàn còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thương hiệu DAG, về các thương hiệu sản phẩm nhằm gắn kết người lao động với công ty.

#### **3.2.3. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất**

Trong năm DAG đã đưa chuẩn chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho 3 nhà máy

+ Tổ chức huấn luyện cho hơn 320 người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất

+ Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu

+ Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

#### **3.2.4. Chính sách lương, thưởng**

Duy trì ổn định mức thu nhập và công việc làm đối với hơn 500 CBCNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ khen thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật lao động và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ thống. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc

### **3.2.5. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp**

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), bảo hiểm thân thể 100% cho đội ngũ lắp đặt, tổ chức bếp ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và bảo hộ lao động cho hệ thống công nhân sản xuất.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân viên, đặc biệt là cán bộ nữ.

Song song đó, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV.



## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

### 1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

#### Thành phần của HĐQT:

HĐQT Công ty gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 04 năm với danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Lê Hải	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Phú Thắng	Thành viên HĐQT

#### Thành phần của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Việt Hùng	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Bà Phạm Thị Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm Soát

### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2012

Căn cứ điều lệ Công ty và nhu cầu thực tế, hàng Quý, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp nhằm thông qua kết quả và phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo. Trong năm 2012, bằng các hoạt động tích cực, Hội đồng quản trị đã ban hành 09 nghị quyết và nhiều quyết định hợp lý nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành và các quyết định liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, thông qua định hướng chiến lược kinh doanh năm 2012, quyết định giải thể công ty con khi điều kiện về ưu đãi thuế không phù hợp, thống nhất việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt của tập đoàn, thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, và thống nhất tất cả nội dung tài liệu đại hội.

#### Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2012

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm.

Ban Kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ chính là giám sát hoạt động quản trị và điều hành của các thành viên HĐQT và Ban điều hành Công ty. Trong năm qua, thông qua sự hướng dẫn và chỉ đạo của Ban



kiểm soát, Ban kiểm soát nội bộ Công ty đã hoạt động có hiệu quả với việc tăng cường công tác tư vấn hoàn thiện quy trình/quy chế quản trị, kiểm toán nội bộ, tính tuân thủ nhằm phòng ngừa rủi ro, gian lận trong hoạt động.

### 3. Thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên HĐQT và BKS Công ty

#### Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2012 (VND)
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	475,200,000
2	Bà Trần Thị Lê Hải	39,600,000
3	Bà Nguyễn Thị Tính	11,000,000
4	Ông Marume	11,000,000
5	Ông Nguyễn Phú Thắng	11,000,000

#### Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2012 (VND)
1	Ông Trịnh Văn Toàn	14,080,000
2	Ông Phan Việt Hùng	10,560,000
3	Bà Phạm Thị Thúy Hà	10,560,000

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (27/03/2013)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>4.570.775</b>	<b>45.707.750.000</b>	<b>33,24</b>
-	Nguyễn Bá Hùng – Chủ tịch	4.407.425	44.074.250.000	32,05
-	Trần Thị Lê Hải – Phó Chủ tịch	88.000	880.000.000	0,64
-	Nguyễn Thị Tính – Thành viên	18.150	181.500.000	0,13
-	Nguyễn Phú Thắng - Thành viên	57.200	572.000.000	0,42
3	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
-	Phan Việt Hùng – Thành viên	0	0	0
-	Phạm Thị Thúy Hà – Thành viên	0	0	0
5	<b>Ban điều hành</b>	<b>145.200</b>	<b>1.452.000.000</b>	<b>1,06</b>
-	Trần Thị Lê Hải – Tổng Giám đốc	88.000	880.000.000	0,64
-	Nguyễn Phú Thắng – Phó Tổng Giám đốc	57.200	572.000.000	0,42
-	Nguyễn Việt Sơn – Phó Tổng Giám đốc	0	0	0
-	Nguyễn Thị Châm – Kế toán trưởng	0	0	0
6	<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>7.925.500</b>	<b>79.255.000.000</b>	<b>57,64</b>
-	Nguyễn Bá Hùng	4.407.425	44.074.250.000	32,05
-	Công ty TNHH TM&DV Hùng Phát	3.499.925	34.999.250.000	25,45
-	Nguyễn Thị Tính	18.150	181.500.000	0,13
7	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>9.282.350</b>	<b>92.823.500.000</b>	<b>67,51</b>
-	Nguyễn Bá Hùng	4.407.425	44.074.250.000	32,05
-	Công ty TNHH TM&DV Hùng Phát	3.499.925	34.999.250.000	25,45
-	Công ty TNHH TM&SX Tam Sơn	1.375.000	13.750.000.000	10
8	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>581.570</b>	<b>5.815.700.000</b>	<b>4,23</b>
-	Japan South East Asia Growth Fund L.P	550.000	5.500.000.000	4
-	Trần Lê Quân	24.200	242.000.000	0,18
-	Wataru Miyazawa	110	1.100.000	0
-	New-S securites Co.Ltd	7.260	72.600.000	0,05
9	<b>Cổ đông khác</b>	<b>3.722.230</b>	<b>37.222.230.000</b>	<b>27,07</b>
10	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>21</b>	<b>210.000</b>	<b>0</b>
11	<b>Tổng số cổ phiếu lưu hành</b>	<b>13.749.979</b>	<b>137.499.790.000</b>	<b>100</b>



Thay mặt và đại diện cho  
CTY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Chủ tịch Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH HĐQT

*Nguyễn Bá Hùng*



**DAG**

TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á